

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải biết tự chủ về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc đầu tư, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm, phải biết tận dụng năng lực, cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Để đạt được điều đó, một trong những biện pháp là mỗi doanh nghiệp đều không ngừng hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, làm sao để hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm, tạo vị thế cạnh tranh, đẩy mạnh tiêu thụ và đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp lại là một bài toán khó. Do đó, doanh nghiệp cần phải thực hiện tốt công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Là một trong những phần hành quan trọng của công tác kế toán, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm không chỉ có nhiệm vụ phản ánh chính xác, kịp thời chi phí sản xuất; tính toán chính xác giá thành sản phẩm mà còn phải tìm cách kiểm soát chặt chẽ các chi phí phát sinh ở từng bộ phận trong doanh nghiệp. Qua số liệu do kế toán chi phí – giá thành cung cấp, các nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra các phương án thích hợp giữa sản xuất kinh doanh, xác định giá bán sản phẩm, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được xác định là khâu trọng tâm của công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất. Việc hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm thực sự cần thiết và có ý nghĩa.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, được tiếp xúc trực tiếp với công tác kế toán ở công ty và nhận thức được tầm quan trọng của chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, em đã mạnh dạn đi sâu vào tìm hiểu và lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Làm rõ những nhận thức chung nhất về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.

- Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

- Phương pháp chung: Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ,...), phương pháp nghiên cứu tài liệu...

- Phương pháp kỹ thuật trong trình bày: Kết hợp giữa mô tả và phân tích, giữa luận giải với bảng, biểu và sơ đồ.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1. 1. Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình biến đổi một cách có ý thức và có mục đích các yếu tố sản xuất đầu vào để hình thành các sản phẩm lao vụ, dịch vụ nhất định. Bất kỳ doanh nghiệp nào khi tiến hành sản xuất kinh doanh đều phải kết hợp hài hoà 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, đó là: Tư liệu sản xuất, đối tượng lao động và sức lao động.

Đồng thời quá trình sản xuất đó lại tiêu hao chính các yếu tố trên. Để đo lường những hao phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định thì các chi phí như chi phí về đối tượng lao động (nguyên vật liệu, nhiên liệu), chi phí về tư liệu lao động (nhà xưởng, máy móc thiết bị...), và chi phí về sức lao động đều được biểu hiện bằng thước đo giá trị (hay còn gọi là thước đo tiền tệ) gọi là chi phí sản xuất.

Vậy chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí bằng tiền khác mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

1.1.2. Bản chất, nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất bao gồm tiền lương, tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất và quản lý phân xưởng, khấu hao tài sản cố định... và chi phí nguyên vật liệu là những chi phí cơ bản cấu thành lên giá thành sản phẩm. Ngoài ra còn một số khoản chi phí thực tế là một phần giá trị mới sáng tạo ra (các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), các khoản liên quan đến việc thuê tài sản.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh thường xuyên, liên tục trong quá trình sản xuất, quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, để phục vụ cho yêu cầu quản lý và hạch toán kinh doanh, chi phí sản xuất của

doanh nghiệp luôn được đo lường, tính toán bằng tiền và gắn với một thời gian nhất định (tháng, quý, năm).

Độ lớn của chi phí sản xuất là một đại lượng xác định phụ thuộc vào hai nhân tố chính sau:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào sản xuất sản phẩm trong một thời gian nhất định.

- Giá cả các tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền lương của một đơn vị lao động đã hao phí.

Thực chất của chi phí sản xuất là sự dịch chuyển vốn, dịch chuyển giá trị của các yếu tố đầu vào và được tập hợp cho từng đối tượng để tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

1.2. Khái niệm, bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm được xác định cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ cụ thể và chỉ tính toán xác định với số lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành, kết thúc toàn bộ quá trình sản xuất (thành phẩm) hay hoàn thành một giai đoạn công nghệ sản xuất (bán thành phẩm).

1.2.2. Bản chất, chức năng của giá thành sản phẩm

Nói đến bản chất của giá thành sản phẩm tức là nói đến nội dung kinh tế chứa đựng bên trong của chỉ tiêu giá thành. Điềm qua lịch sử về lý luận giá thành có thể thấy bản chất của giá thành được xác định theo các quan điểm sau:

- Quan điểm cho rằng giá thành là sự hao phí lao động sống và lao động vật hoá được dùng để sản xuất và tiêu thụ một đơn vị hoặc một khối lượng sản phẩm nhất định.

- Quan điểm cho rằng giá thành sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bất kể nó nằm ở bộ phận nào trong các bộ phận cấu thành giá trị sản phẩm.

- Một quan điểm khác cho rằng giá thành là biểu hiện mối liên hệ tương quan giữa một bên là chi phí sản xuất, một bên là kết quả đạt được trong từng giai đoạn nhất định.

Từ các quan điểm trên, ta có thể rút ra kết luận về bản chất của phạm trù giá thành như sau: Bản chất của giá thành là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố vật chất vào sản phẩm, công việc lao vụ nhất định đã hoàn thành. Nếu chưa có sự dịch chuyển này thì không thể nói đến chi phí và giá thành sản phẩm. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần thiết được bù đắp, bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành giá trị sản phẩm.

Giá thành sản phẩm có hai chức năng chủ yếu sau: chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá

- Chức năng bù đắp chi phí: Toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải bù đắp bằng số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm.

- Chức năng lập giá: Giá bán phải có khả năng bù đắp hao phí vật chất để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất. Giá bán của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định.

Giá thành sản phẩm là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp xác định giá bán của sản phẩm, là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn và lao động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời phản ánh kết quả các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật cũng như công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động. Do đó, giá thành là căn cứ đánh giá chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp.

❖ *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là 2 mặt biểu hiện của quá trình sản xuất, chi phí là biểu hiện về mặt hao phí còn giá thành biểu hiện về mặt kết quả của quá trình sản xuất. Đây là 2 mặt thống nhất của một quá trình. Chính vì vậy chúng giống nhau về chất vì đều là những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá

mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tuy vậy do bộ phận chi phí sản xuất giữa các kỳ không đều nhau nên giá thành và chi phí sản xuất lại khác nhau trên 2 phương diện:

- Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất gắn với 1 thời kỳ nhất định mà không tính đến chi phí đó có liên quan đến số sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Giá thành sản phẩm là giới hạn chi phí sản xuất với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau khi có chi phí sản xuất dở dang. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tổng quát sau đây:

$$Z = D_{đk} + C - D_{ck}$$

Trong đó: Z : Tổng giá thành sản phẩm

$D_{đk}$: Trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

C : Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

1.3. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, nhiều khoản, khác nhau cả về nội dung, tính chất và công dụng. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất phải được phân loại. Tùy theo mục đích quản lý chi phí mà có những tiêu thức phân loại chi phí cho phù hợp.

1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố (nội dung kinh tế của chi phí)

Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành năm yếu tố chi phí như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ chi phí về các nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.

- Chi phí nhân công: Bao gồm toàn bộ số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích trên tiền lương theo quy định của lao động trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện công việc, lao vụ trong kỳ.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi trả cho các loại dịch vụ mua ngoài phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như điện, nước, điện thoại,...

- Chi phí bằng tiền khác: Là toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

Cách phân loại này cho biết được kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu và tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ để lập bản thuyết minh báo cáo tài chính phục vụ cho yêu cầu thông tin quản trị doanh nghiệp và lập dự toán chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí (mục đích, công dụng của chi phí)

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính toán, dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng, toàn bộ chi phí được theo khoản mục. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CP NVLTT): Phản ánh toàn bộ chi phí về các loại nguyên, vật liệu chính (kể cả nửa thành phẩm mua ngoài), vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp vào sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp (CP NCTT): Là toàn bộ chi phí về tiền lương, phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất theo quy định.

- Chi phí sản xuất chung (CP SXC): Là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, tổ đội sản xuất (trừ chi phí vật liệu và nhân công trực tiếp): chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài,...

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này có ý nghĩa đối với việc xác định phương hướng kế toán, tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng đúng đắn, hợp lý, phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức đồng thời là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xác định giá cả hàng hoá, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau.

1.4.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại:

- Giá thành kế hoạch: Được xác định trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch được bộ phận kế hoạch tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .

- Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xác định trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí trong quá trình thực hiện kế hoạch.

- Giá thành thực tế: Là giá thành được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và được tập hợp trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán sau khi kết thúc quá trình sản xuất và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

1.4.2. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành được chia thành 2 loại:

- Giá thành sản xuất (còn gọi là giá thành công xưởng): Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất. Giá thành sản xuất sản phẩm là căn cứ xác định giá trị thành phẩm nhập kho, giá vốn hàng bán của doanh nghiệp khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Giá thành toàn bộ (còn gọi là giá thành đầy đủ, giá thành tiêu thụ): Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

Cách phân loại này có tác dụng giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh lãi hoặc lỗ của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này mang ý nghĩa học thuật nghiên cứu.

1.5. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

1.5.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các chi phí được tập hợp trong một giới hạn nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra, phân tích, quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Đây là công việc đầu tiên và quan trọng của tổ chức hạch toán quá trình sản xuất. Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý, có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất từ việc tổ chức hạch toán ban đầu cho đến việc mở các tài khoản, các sổ chi tiết và tổng hợp số liệu. Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất thực chất là việc xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kế toán căn cứ vào các yếu tố: đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý tổ chức kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất sản phẩm, khả năng, trình độ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Theo đó, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất hay từng giai đoạn, từng phân xưởng, từng tổ đội sản xuất. Cũng có thể là từng nhóm sản phẩm, từng công trình xây dựng, từng đơn đặt hàng, từng chi tiết sản phẩm.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Đối tượng tính giá thành được xác định dựa vào loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Do đó, đối tượng tính giá thành thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí nhưng phải là những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Dựa vào các căn cứ trên, đối tượng tính giá thành có thể là: từng bộ phận, chi tiết sản phẩm; sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ hay bán thành phẩm; đơn đặt hàng; hạng mục công trình.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán tổ chức mở sổ kế toán và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp.

1.5.3. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ không thể tính vào bất kỳ thời điểm nào mà phải phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất dài hạn hay ngắn hạn và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định kỳ tính giá thành cho phù hợp. Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hay có thể là khi hoàn thành xong đơn đặt hàng hoặc hoàn thành xong các hạng mục công trình.

❖ *Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm*

Đối tượng chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau về bản chất, đều là những phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, việc xác định hợp lý đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là tiền đề, điều kiện để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, giữa chúng vẫn có sự khác biệt

- Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định phạm vi, giới hạn tổ chức kế toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

- Xác định đối tượng tính giá thành là xác định phạm vi, giới hạn của chi phí liên quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành của quy trình sản xuất.

Trong thực tế, tùy đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất có những trường hợp một đối tượng tập hợp chi phí là một đối tượng tính giá thành, hoặc một đối tượng tập hợp chi phí bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại. Mối quan hệ giữa đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở 1 doanh nghiệp cụ thể sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tính và kỹ thuật tính giá thành của doanh nghiệp đó.

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích hợp. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng, theo nhóm sản phẩm,...

Nội dung chủ yếu của phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là kế toán mở thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

Mỗi phương pháp hạch toán chỉ thích ứng với một loại đối tượng hạch toán chi phí nên tên gọi của các phương pháp này là biểu hiện đối tượng mà nó cần tập hợp và phân loại chi phí.

1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

Tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo trình tự hợp lý, khoa học là bước cơ bản để tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Doanh nghiệp sản xuất bao gồm nhiều loại hình khác nhau, có đặc điểm riêng về tổ chức sản xuất quản lý cũng như quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rất đa dạng. Tuy nhiên, nếu xét một cách tổng quát thì quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất có những điểm chung, có tính chất căn bản bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành lao vụ.

- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành với phương pháp tính giá thành phù hợp.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hoặc một hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành đơn vị sản phẩm. Nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành.

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành chủ yếu phụ thuộc vào đặc điểm về đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm. Lựa chọn đúng đắn phương pháp tính giá thành sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều cho doanh nghiệp.

1.7.1. Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn như: các nhà máy điện nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...). Giá thành sản phẩm theo phương pháp này được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{thực tế phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{hoàn thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

1.7.2. Phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, sử dụng cùng một loại nguyên liệu thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau, các sản phẩm này có thể quy đổi về sản phẩm gốc và chi phí không tập hợp riêng được cho từng loại sản phẩm.

Trong những doanh nghiệp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quá trình sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Để tính giá thành cho từng loại sản phẩm, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy tất cả các loại sản phẩm khác nhau về sản phẩm gốc (sản phẩm tiêu chuẩn). Hệ số quy đổi được xây dựng trên cơ sở đặc điểm kinh tế hoặc tính chất của sản phẩm, trong đó sản phẩm có đặc trưng tiêu biểu mang hệ số 1.

Sau đó áp dụng công thức tính giá thành đơn vị cho sản phẩm gốc. Cuối cùng, căn cứ vào hệ số quy đổi và giá thành đơn vị chuẩn ở trên để tính giá thành thực tế cho từng sản phẩm cụ thể.

$$\text{Tổng số sản phẩm gốc hoàn thành} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm hoàn thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại} \end{array} \right)$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm gốc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của} \\ \text{từng loại} \end{array}$$

1.7.3. Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có cùng quy trình công nghệ sản xuất, cùng sử dụng các yếu tố đầu vào, sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau về cỡ số, quy cách, phẩm chất,... nhưng lại không quy đổi ra sản phẩm tiêu chuẩn được. Vì những sản phẩm này có giá trị sử dụng khác nhau chẳng hạn như trong doanh nghiệp chế biến đồ gỗ, cơ khí chế tạo,...

Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm cùng loại hoặc phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Để tính được giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau như giá thành kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, trọng lượng sản phẩm... Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức để tính tỷ lệ chi phí và dựa vào đó tính toán ra giá thành thực tế cho từng loại sản phẩm.

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) các loại sản phẩm} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{(định mức) đơn vị sản} \\ \text{phẩm từng loại} \end{array} \right)$$

$$\begin{array}{cccc}
 \text{Tổng giá thành} & \text{Chi phí} & \text{Tổng chi phí} & \text{Chi phí} \\
 \text{thực tế các loại} & = & \text{sản phẩm dở} & + & \text{sản xuất phát} & - & \text{sản phẩm dở} \\
 \text{sản phẩm} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{đang cuối kỳ}
 \end{array}$$

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\text{Tổng giá thành thực tế} = \text{Tổng giá thành kế hoạch} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

từng loại sản phẩm (định mức) từng loại sản phẩm

1.7.4. Phương pháp tổng cộng chi phí

Áp dụng với các doanh nghiệp mà sản phẩm hoàn thành trong quy trình công nghệ bao gồm nhiều chi tiết, bộ phận cấu thành. Quá trình sản xuất được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ để lắp ráp ra sản phẩm hoàn chỉnh. Do đó, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay các giai đoạn, bộ phận sản xuất.

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành. Giá thành sản xuất được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm:

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z1 + Z2 + \dots + Zn$$

1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng

Đây là phương pháp tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng của khách hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn hàng nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, chi phí nào liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng, thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho đơn hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn hàng theo tiêu thức hợp lý.

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không trùng với kỳ hạch toán.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{hoàn thành của đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn hàng}}$$

Nếu trong đơn đặt hàng có nhiều sản phẩm thì có thể kết hợp với phương pháp giản đơn, hệ số, ...

1.7.6. Phương pháp phân bước

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh. Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

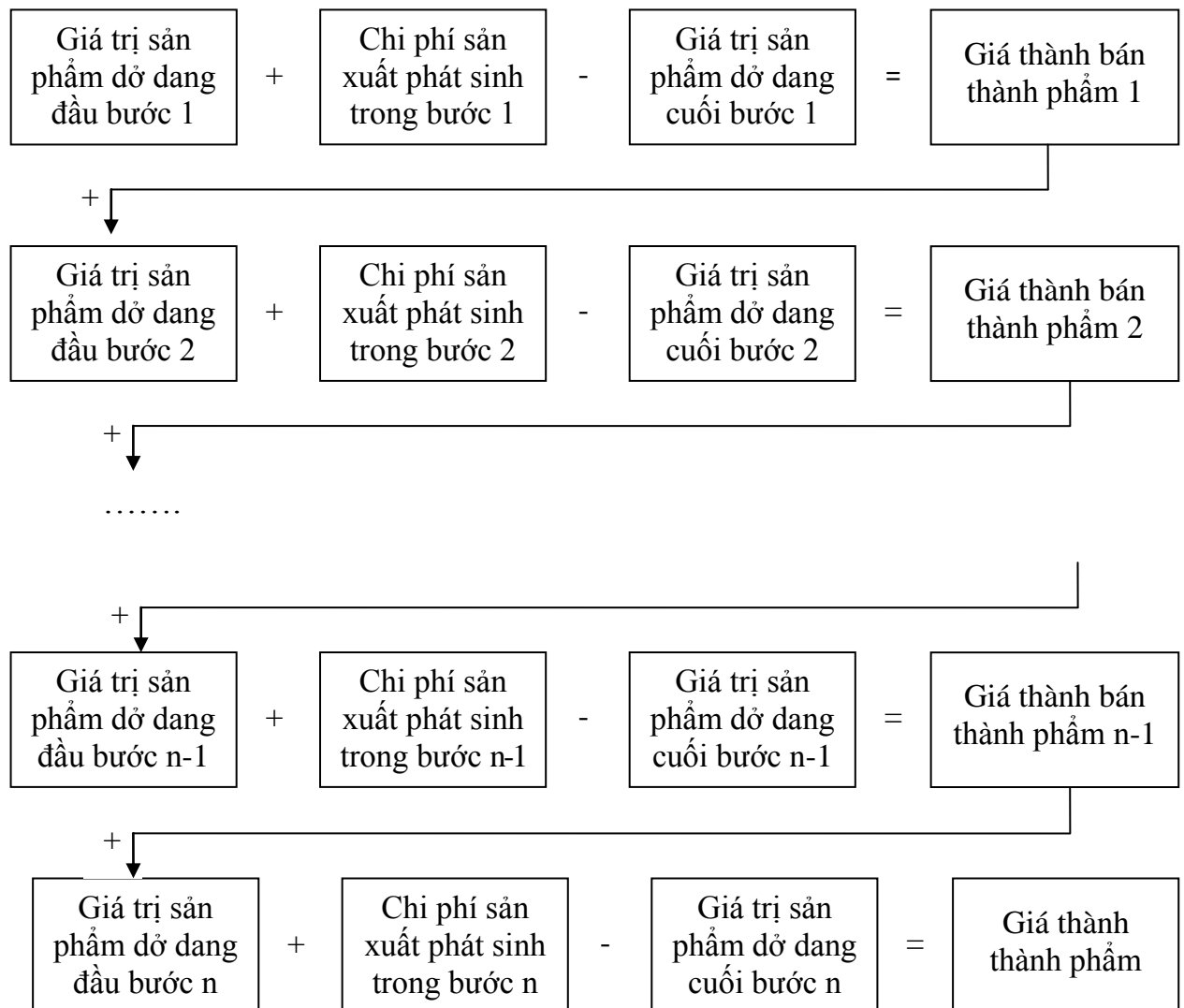
❖ **Phương án 1:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự)

Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ. Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuân tự theo từng khoản mục chi phí.

Sau đây là trình tự tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước:

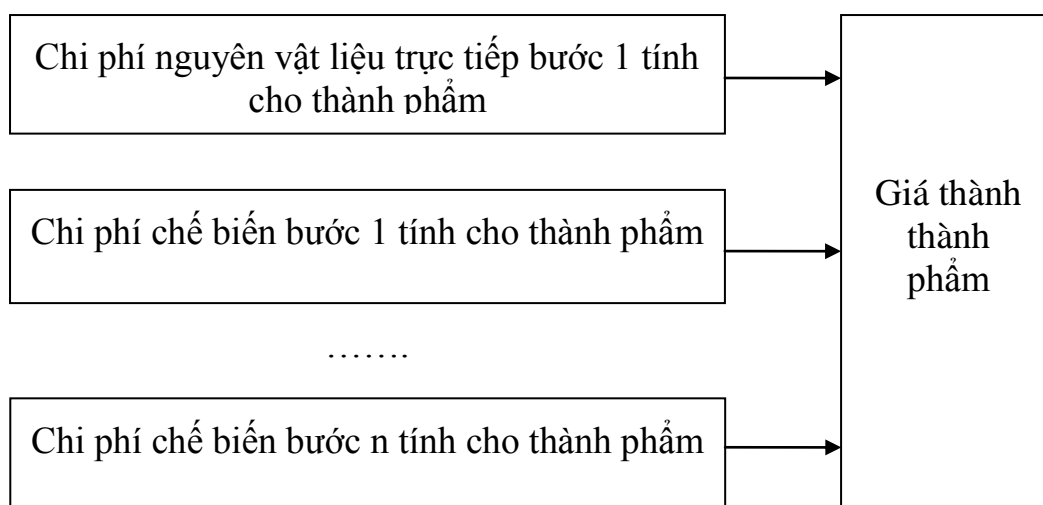
Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước



❖ **Phương án 2:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển song song)

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm



1.7.7. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình, bên cạnh những sản phẩm chính thu được những sản phẩm phụ (các doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia, xay xát lương thực,...). Để tính chính xác giá trị sản phẩm chính kế phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm.

Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất hoặc phân xưởng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính.

Giá trị sản phẩm phụ thu hồi có thể xác định được theo nhiều phương pháp như giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu...

$$\begin{array}{r}
 \text{Tổng giá} \\
 \text{thành sản} \\
 \text{phẩm chính} \\
 \text{hoàn thành}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm chính} \\
 \text{dở dang} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{Tổng chi phí} \\
 \text{sản xuất} \\
 \text{phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm phụ} \\
 \text{thu hồi}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm chính} \\
 \text{dở dang} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

1.7.8. Phương pháp định mức

Phương pháp này được áp dụng trên cơ sở hệ thống định mức tiêu hao vật liệu, lao động cũng như có dự toán về chi phí sản xuất chung (chi phí phục vụ và quản lý sản xuất cho từng loại sản phẩm được sản xuất ra), kế toán xác định giá thành định mức của từng loại sản phẩm. Đồng thời hạch toán riêng các thay đổi, các chênh lệch so với định mức phát sinh trong quá trình sản phẩm và phân tích toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong kỳ thành 3 loại gồm theo định mức, chênh lệch do thay đổi định mức và chênh lệch so với định mức.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong phương pháp này cũng là từng loại sản phẩm, từng phân xưởng hoặc giai đoạn sản xuất. Đối tượng tính giá thành là chi tiết sản phẩm và sản phẩm hoàn chỉnh.

Công thức tính giá thành như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch thay} & & \text{Chênh lệch do thực} \\ \text{tế sản phẩm} & = & \text{mức sản phẩm} & \pm & \text{đổi định mức} & \pm & \text{hiện định mức} \end{array}$$

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất chế biến, còn đang nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn chỉnh. Trong trường hợp này chi phí sản xuất đã tập trung trong kỳ không chỉ liên quan đến sản phẩm công việc đã hoàn thành mà còn liên quan đến những sản phẩm dở dang.

Việc đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là một trong những yếu tố quyết định đến tính trung thực, hợp lý của giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Tuy nhiên việc tính toán sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp khó có thể chính xác tuyệt đối. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, tính chất cấu thành chi phí sản xuất, trình độ quản lý doanh nghiệp mà kế toán lựa chọn phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Sau đây là các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà các doanh nghiệp thường áp dụng:

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}$$

$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu chính mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung).

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLC phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.5. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ \text{Mức độ hoàn thành} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ} \\ \text{hoàn thành} \end{array} \right)$$

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Trong những doanh nghiệp này, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho: việc nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ... được theo dõi một cách thường xuyên trong sổ kế toán.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Đối với các chi phí liên quan chung đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tách riêng được thì đến cuối kỳ kế toán phải tập hợp lại rồi tiến hành phân bổ cho từng đối tượng liên quan theo tiêu thức phù hợp.

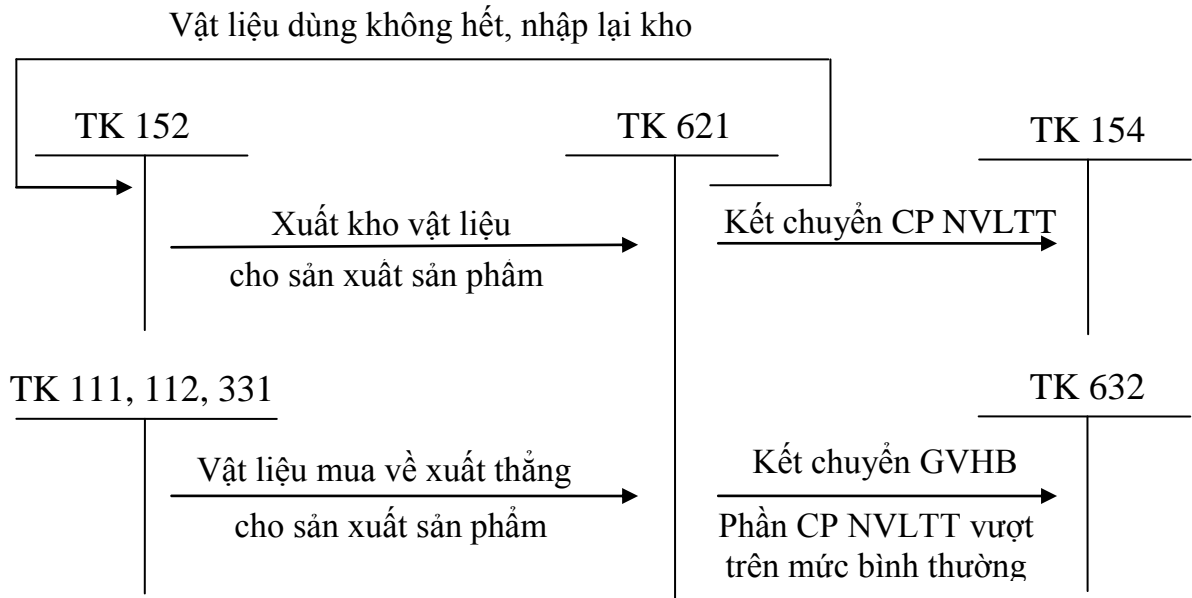
Chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản:

- TK 621 – “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”
- TK 622 – “ Chi phí nhân công trực tiếp”
- TK 627 – “ Chi phí sản xuất chung”

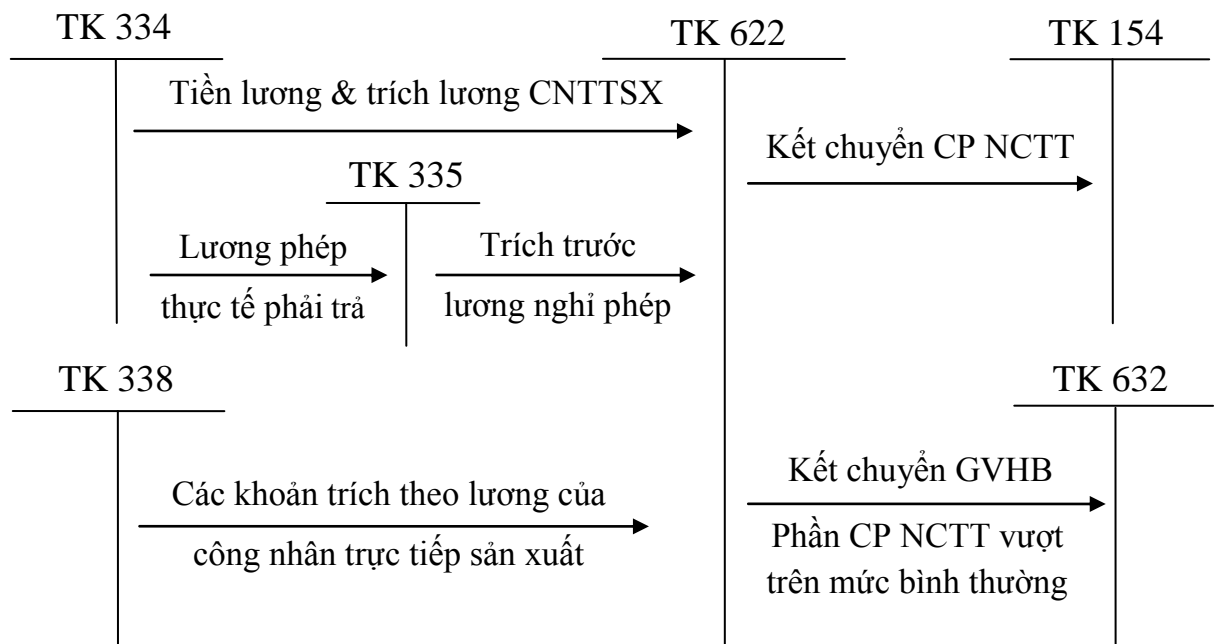
Sau khi tập hợp và phân bổ các loại chi phí sản xuất, kế toán tiến hành tổng hợp lại để tính giá thành sản phẩm. Theo phương pháp kê khai thường xuyên, tài khoản 154 – “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” được sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên được phản ánh qua các sơ đồ sau:

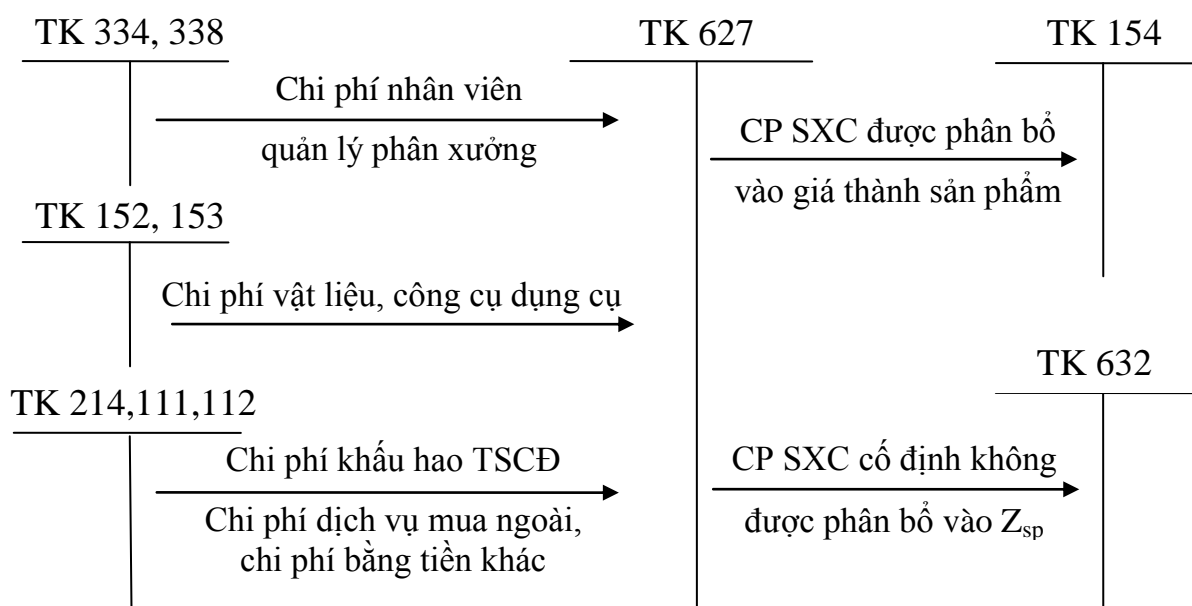
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



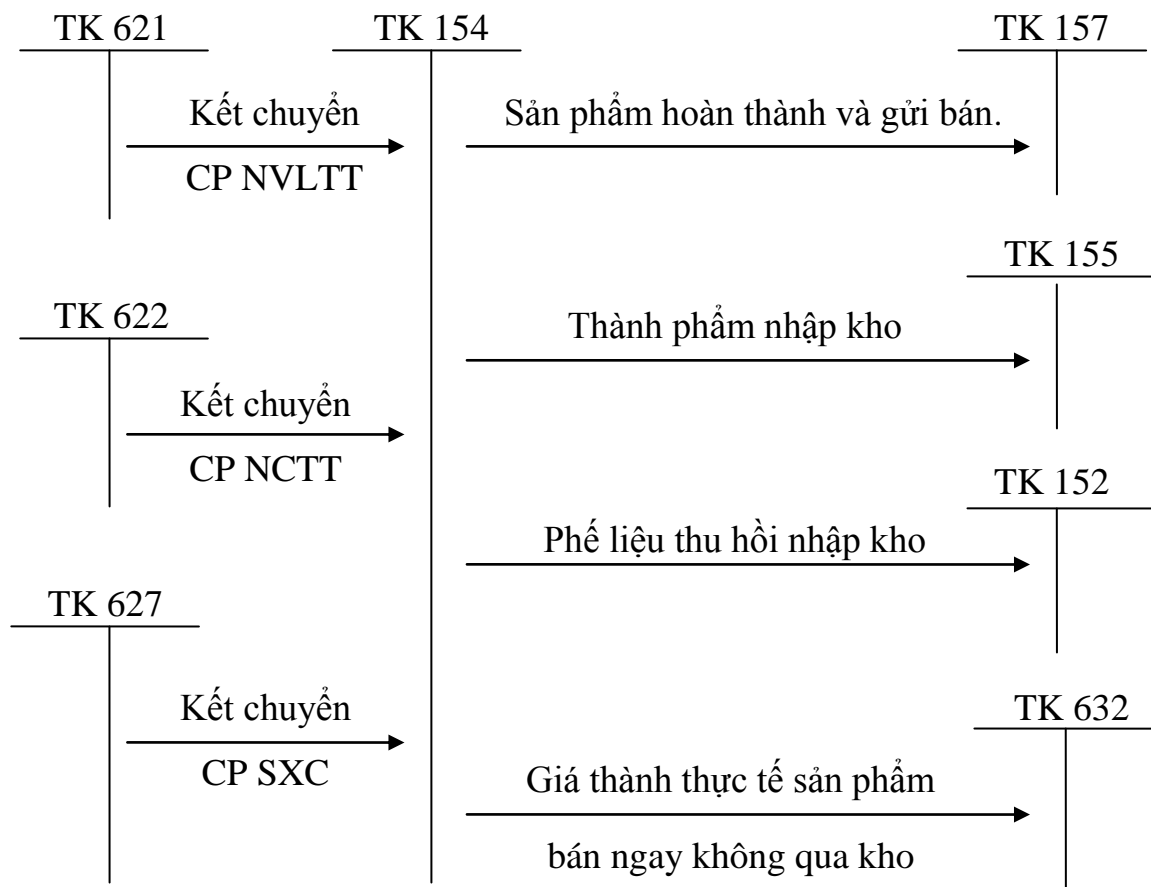
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất chung



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

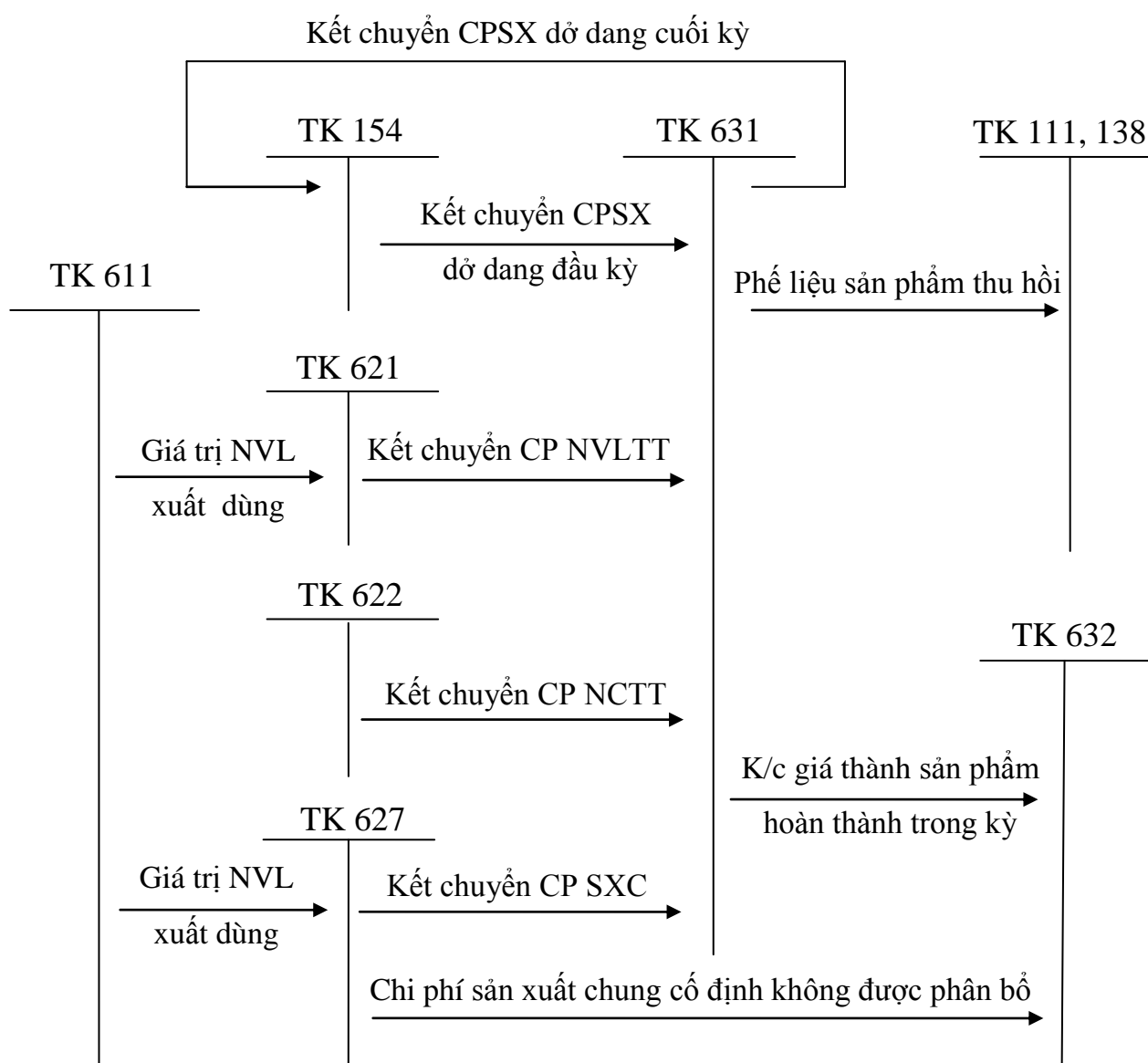


1.9.2. Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Trong những doanh nghiệp này, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Các tài khoản 621, 622, 627 vẫn được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất, nhưng tài khoản 154 chỉ được sử dụng để phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán sử dụng tài khoản 631 – “ Giá thành sản xuất ”.

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ được phản ánh qua sơ đồ sau:

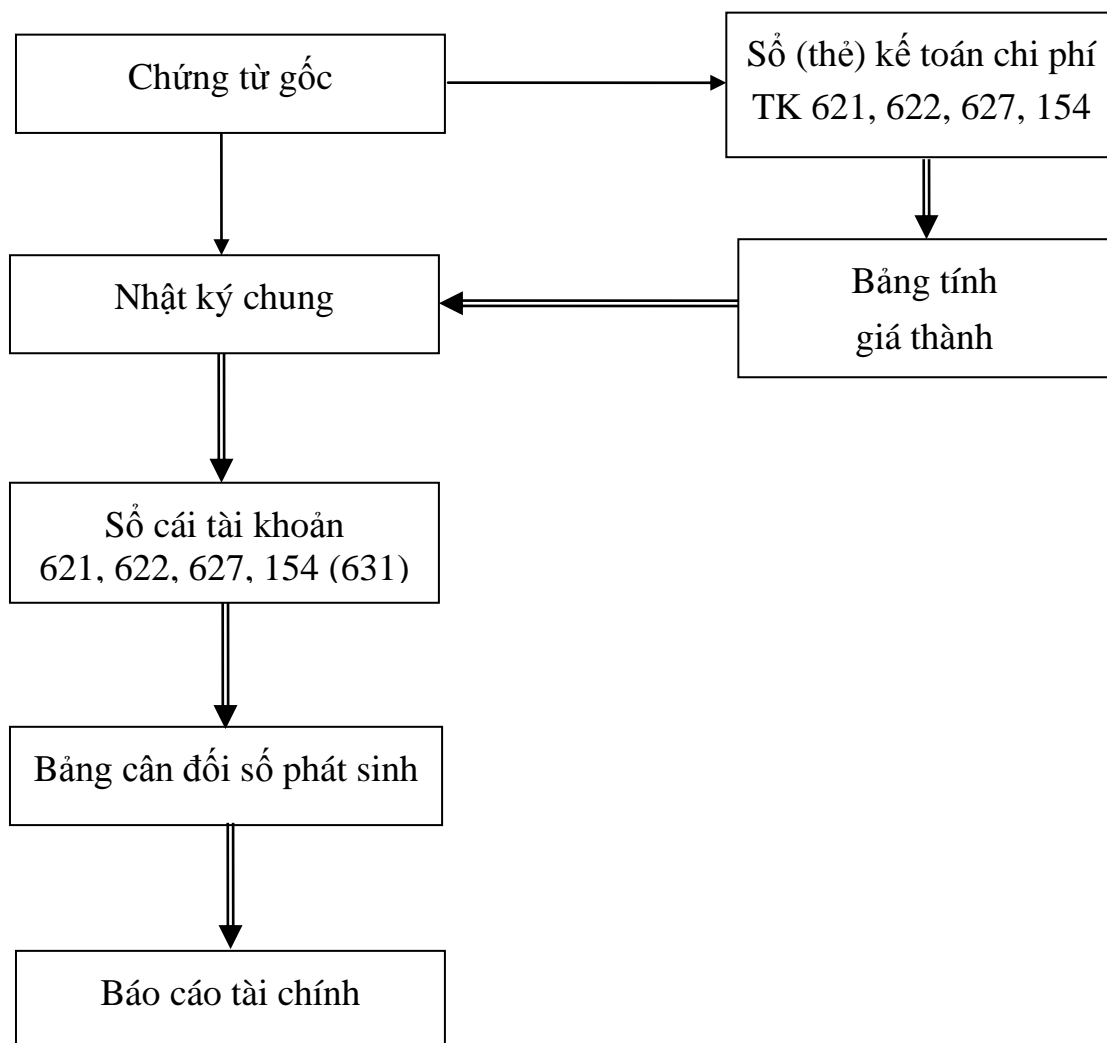
Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung



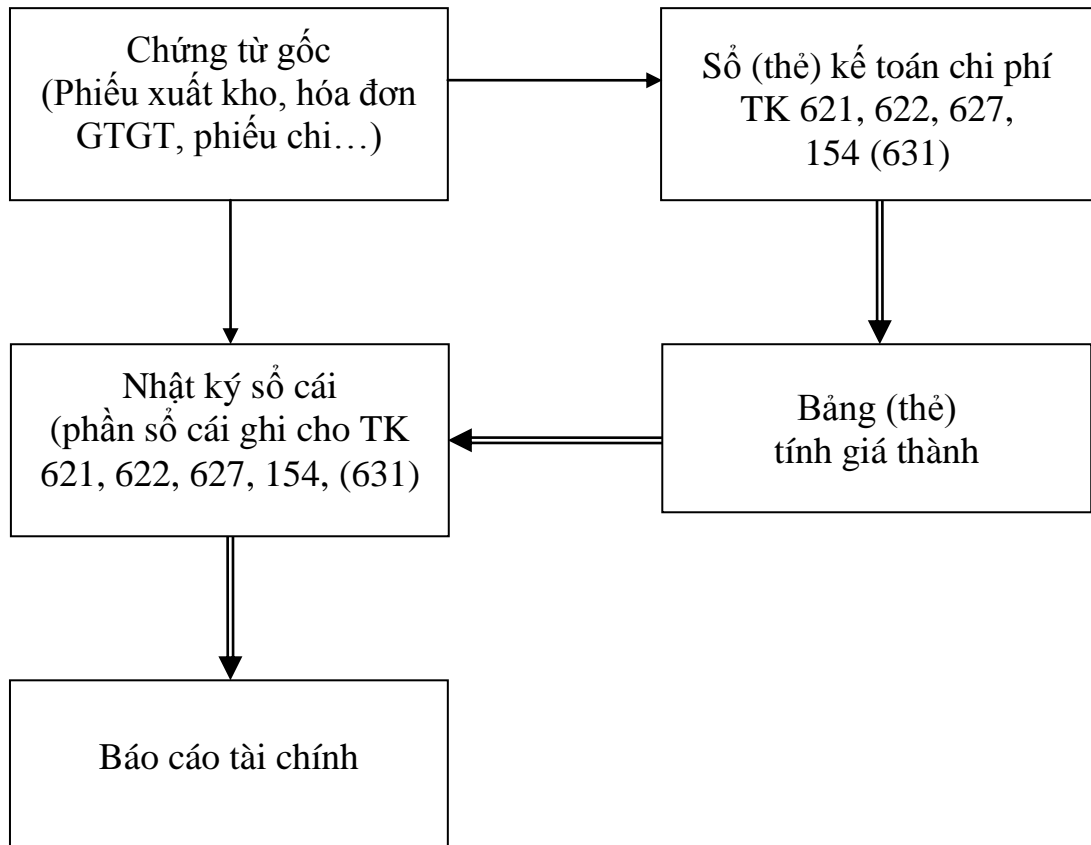
Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi định kỳ

1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái



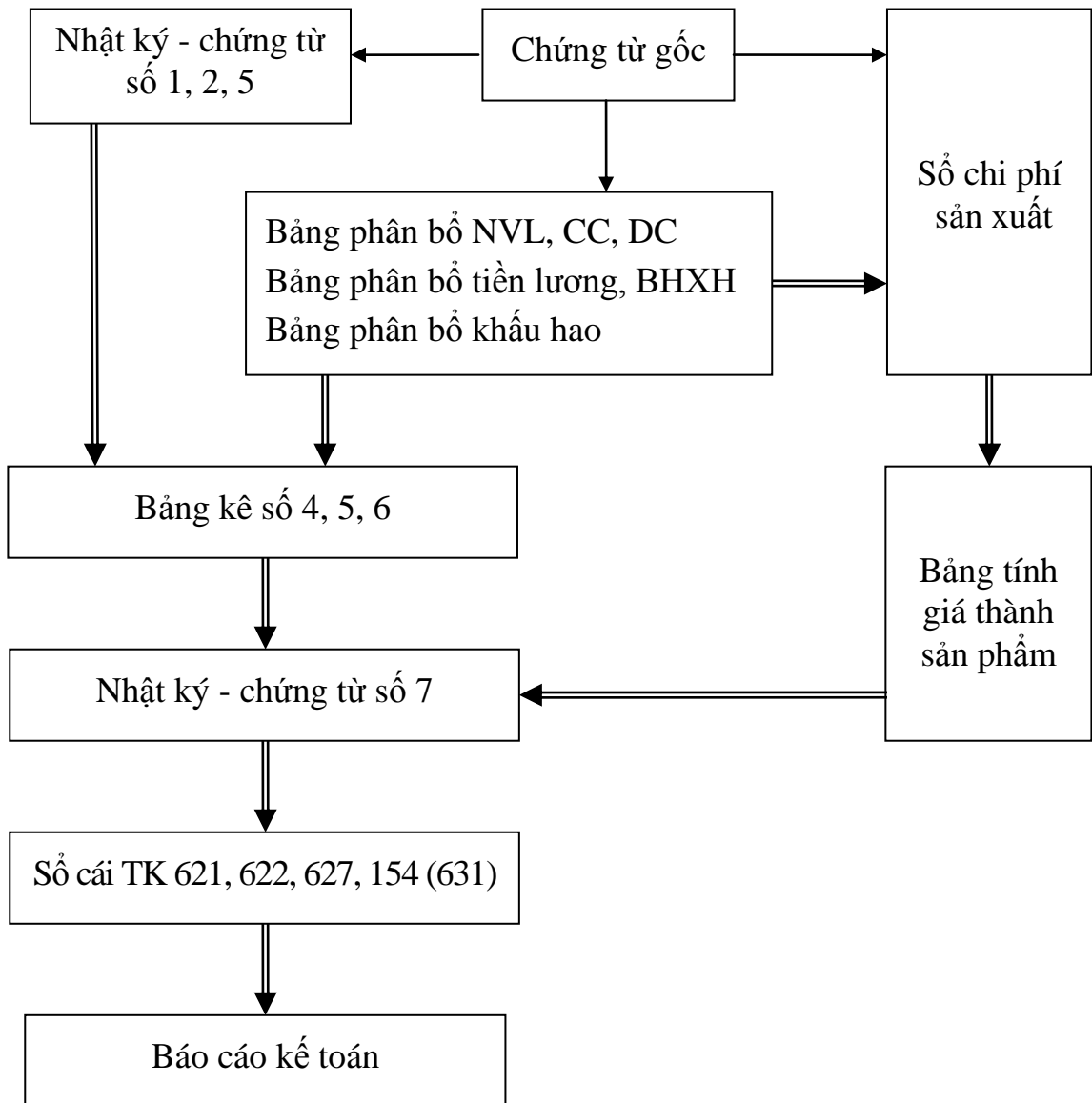
Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi định kỳ

1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ



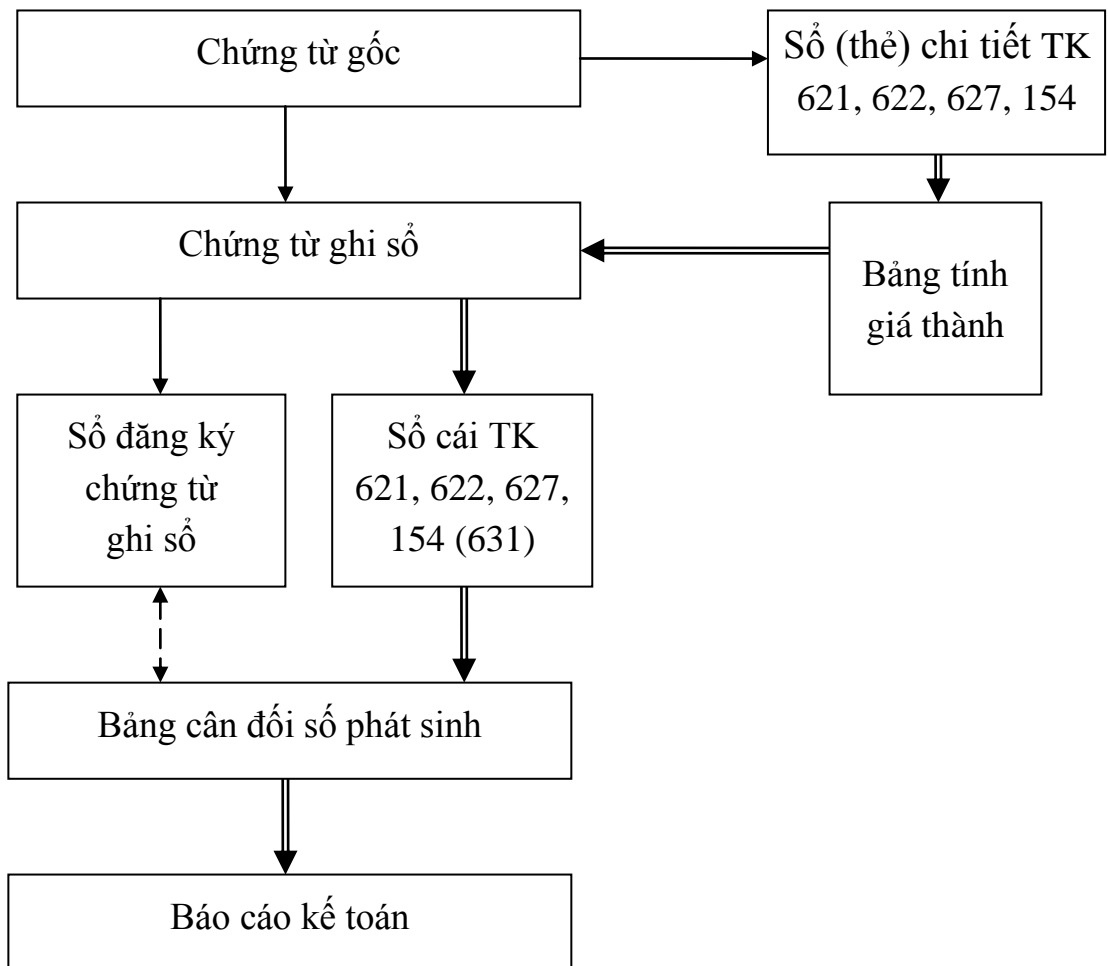
Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

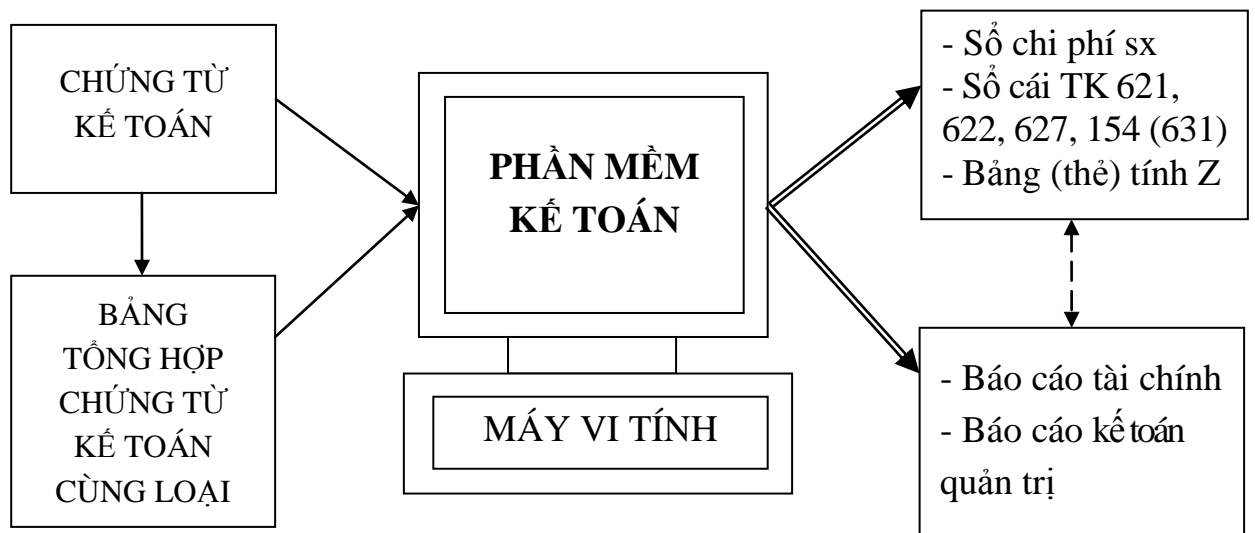
————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

<---> Quan hệ đối chiếu

1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

<---> Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Tên công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Tên công ty bằng tiếng Anh:

HAI PHONG MECHANICS AND PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : **MPCO**

Trụ sở giao dịch: Km104+200, Quốc lộ 5, Phường Đông Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng

ĐT : 0313. 629528

Fax : 0313. 629529

Tiền thân của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng là *Nhà máy sản xuất phụ tùng xe máy* – thành viên trực thuộc Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng (TRADIMEXCO). Nhà máy được thành lập chính thức theo quyết định số 3214/QĐ–UB ngày 19/11/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sau khi đi vào hoạt động, nhà máy đã dần mở rộng lĩnh vực kinh doanh, sản xuất đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng thị trường. Do vậy, trước đề nghị của Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ra quyết định số 776/ QĐ–UB ngày 20/08/2005 cho phép *Nhà máy sản xuất phụ tùng xe máy* đổi tên thành *Nhà máy sản xuất nhựa và cơ khí*.

Cuối năm 2007, đầu năm 2008 để có thể phát triển kịp với xu hướng kinh tế toàn cầu, đóng góp nhiều hơn nữa cho kinh tế thành phố nói riêng và kinh tế đất nước nói chung, xét đề nghị của Công ty TRADIMEXCO, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định số 1613/QĐ-UB ngày 14/12/2007 cho phép chuyển đổi *Nhà máy sản xuất nhựa và cơ khí* – là bộ phận công ty Nhà nước thành *Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng*. Nhà máy được chuyển thành công ty cổ phần dưới hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

Tổng vốn điều lệ tại thời điểm thành lập công ty là **12.752.150.000 (Mười hai tỷ, bảy trăm năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)** tương đương 1.275.215 cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000đ/cổ phần.

Cơ cấu vốn tại thời điểm thành lập công ty:

- Cổ đông Nhà nước - Công ty TRADIMEXCO sở hữu 765.129 cổ phần tương ứng 5.100.860.000 (40% vốn điều lệ)
- Cán bộ công nhân viên và cổ đông ngoài công ty sở hữu 765.129 cổ phần tương ứng 7.651.290.000 (60% vốn điều lệ)

Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo Điều lệ của công ty và Luật doanh nghiệp, được hưởng các ưu đãi đối với công ty Nhà nước thực hiện cổ phần hoá. Công ty thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước.

Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- Sản xuất và gia công các sản phẩm nhựa và cơ khí.
- Sản xuất và kinh doanh linh kiện động cơ, sản phẩm đồ nhựa, phụ tùng xe hai bánh gắn máy.
- Lắp ráp hoàn chỉnh, sửa chữa và bảo hành xe hai bánh gắn máy.
- Nhập khẩu: máy móc, vật tư, nhiên liệu, nguyên- phụ liệu phục vụ sản xuất
- Xuất khẩu các sản phẩm do nhà máy sản xuất.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng khác theo Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh của công ty.

Qua tám năm hoạt động, công ty đã trụ vững, bảo toàn nguồn vốn được giao khi là thành viên của Công ty TRADIMEXCO và phát triển đi lên, luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất và tái sản xuất mở rộng. Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng sản xuất với số lượng lớn, đặc biệt là những bạn hàng lớn: Công ty HONDA Việt Nam, Công ty LG Việt Nam và Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong. Sản phẩm của công ty đã được đối tác và người tiêu dùng chấp nhận, uy tín ngày càng gia tăng, khẳng định được vị trí của mình trên thị trường.

Sau đây là một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 3 năm gần đây:

Biểu số 2.1

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chỉ tiêu	2007	2008	2009
1	Tổng doanh thu	10.895.764.586	13.496.189.069	15.522.352.559
2	Tổng doanh thu thuần	10.895.764.586	13.496.189.069	15.522.352.559
3	Tổng giá vốn hàng bán	9.467.842.158	11.837.258.531	13.027.469.594
4	Tổng lợi nhuận gộp	1.427.922.428	1.658.930.538	2.494.882.965
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	598.304.106	834.819.344	1.447.374.035
6	Thu nhập bq 1 lao động/tháng	1.670.000	1.850.000	2.190.000
7	Thuế & các khoản nộp NSNN	173.576.027	245.704.836	421.843.509
8	Vốn kinh doanh bình quân	21.337.409.454	22.973.274.574	24.779.254.006

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

❖ Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Sản phẩm chính của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng là các mặt hàng nhựa gồm nhiều chủng loại: các chi tiết nhựa xe máy, máy giặt, pallet nhựa,... được sản xuất theo công nghệ tiên tiến, trên các dây chuyền thiết bị hiện đại. Hầu hết các sản phẩm này được công ty sản xuất và gia công hàng loạt theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Nhằm bố trí công tác sản xuất được hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện có, công ty có các công trình phục vụ sản xuất như sau:

- Xưởng nhựa: là phân xưởng có nhiệm vụ sản xuất và gia công bộ nhựa xe máy, chi tiết nhựa máy giặt, pallet nhựa,... Đây là phân xưởng quan trọng, có quy mô lớn nhất, sản xuất ra các sản phẩm chủ đạo của công ty.

- Xưởng đúc: Có nhiệm vụ sản xuất và gia công các sản phẩm kim loại cho các ngành sản xuất khác và dân dụng.

Tại mỗi phân xưởng đều có 1 quản đốc, 1 phó quản đốc và các trưởng ca giám sát, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn kịp thời từng khâu của quá trình sản xuất.

- Các công trình phụ trợ, cấp thoát nước, điện chiếu sáng.

- 2 kho vật tư và 1 kho thành phẩm.

❖ Quy trình công nghệ tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Sản phẩm của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng được chia ra làm 2 loại là các sản phẩm nhựa và sản phẩm kim loại. Đối với quy trình công nghệ sản xuất nhựa gồm các bước sau:

- Chuẩn bị: Trước mỗi ca sản xuất, tất cả các công đoạn trong quy trình công nghệ đều được thực hiện công tác chuẩn bị về con người, trang thiết bị, nguyên nhiên liệu.

- Xử lý nguyên liệu nhựa: Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm nhựa bao gồm: hạt nhựa gốc, hạt nhựa màu, hạt nhựa tái chế (là nhựa được băm từ những sản phẩm không phù hợp, các phoi nhựa, bavia cắt từ sản phẩm nhựa). Tại công đoạn xử lý nguyên liệu, hạt nhựa gốc và hạt nhựa màu được trộn đều và sấy khô bằng máy trộn và máy sấy. Nhựa tái chế được băm nhỏ như hạt nhựa mới và được trộn thêm vào theo tỷ lệ cho phép. Hỗn hợp nguyên liệu nhựa sau khi trộn sấy đạt yêu cầu về tỷ lệ pha trộn, độ đồng đều, độ ẩm được chuyển ngay tới các máy phun ép nhựa và được cơ cấu hút hạt nhựa của máy đưa vào các bình sấy.

- Phun, ép: Là công đoạn trực tiếp tạo sản phẩm nhựa theo nguyên lý: nguyên liệu nhựa được làm nóng chảy rồi phun vào trong khuôn. Nhựa nóng chảy được ép điền đầy khoảng trống trong lòng khuôn, khi đông đặc trở lại tạo thành

sản phẩm nhựa có dạng hình học theo kết cấu khoảng định hình của khuôn. Sản phẩm sau khi lấy ra khỏi khuôn được kiểm tra theo quy định.

- Xếp lên xe: Sản phẩm được kiểm tra về các thông số kỹ thuật. Sản phẩm đạt yêu cầu được cắt bỏ bavìa và xếp lên xe chờ nguội để chuyển đến bộ phận tiếp theo.

- Hoàn thiện sản phẩm: giai đoạn này gồm các bước:

+ Phun sơn

+ Tẩy rửa và đưa vào dây chuyền đánh bóng

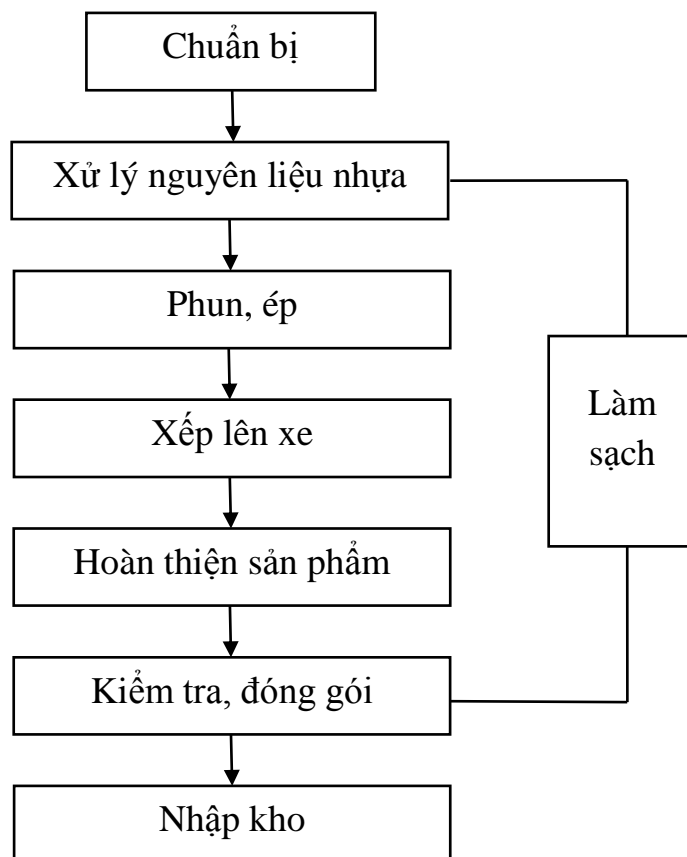
Sản phẩm đạt yêu cầu được cắt bỏ bavìa và sơn hoàn thiện sản phẩm.

- Kiểm tra, đóng gói: Sản phẩm hoàn thành được kiểm tra lần nữa rồi được đóng gói, dán tem, đưa vào nhập kho.

Trong suốt quy trình công nghệ, sản phẩm không phù hợp được phân loại tại các công đoạn cùng với phoi nhựa, bavìa được làm sạch để chuyển về công đoạn xử lý nguyên liệu nhựa.

Sau đây là sơ đồ tóm tắt quy trình sản xuất sản phẩm nhựa tại công ty:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

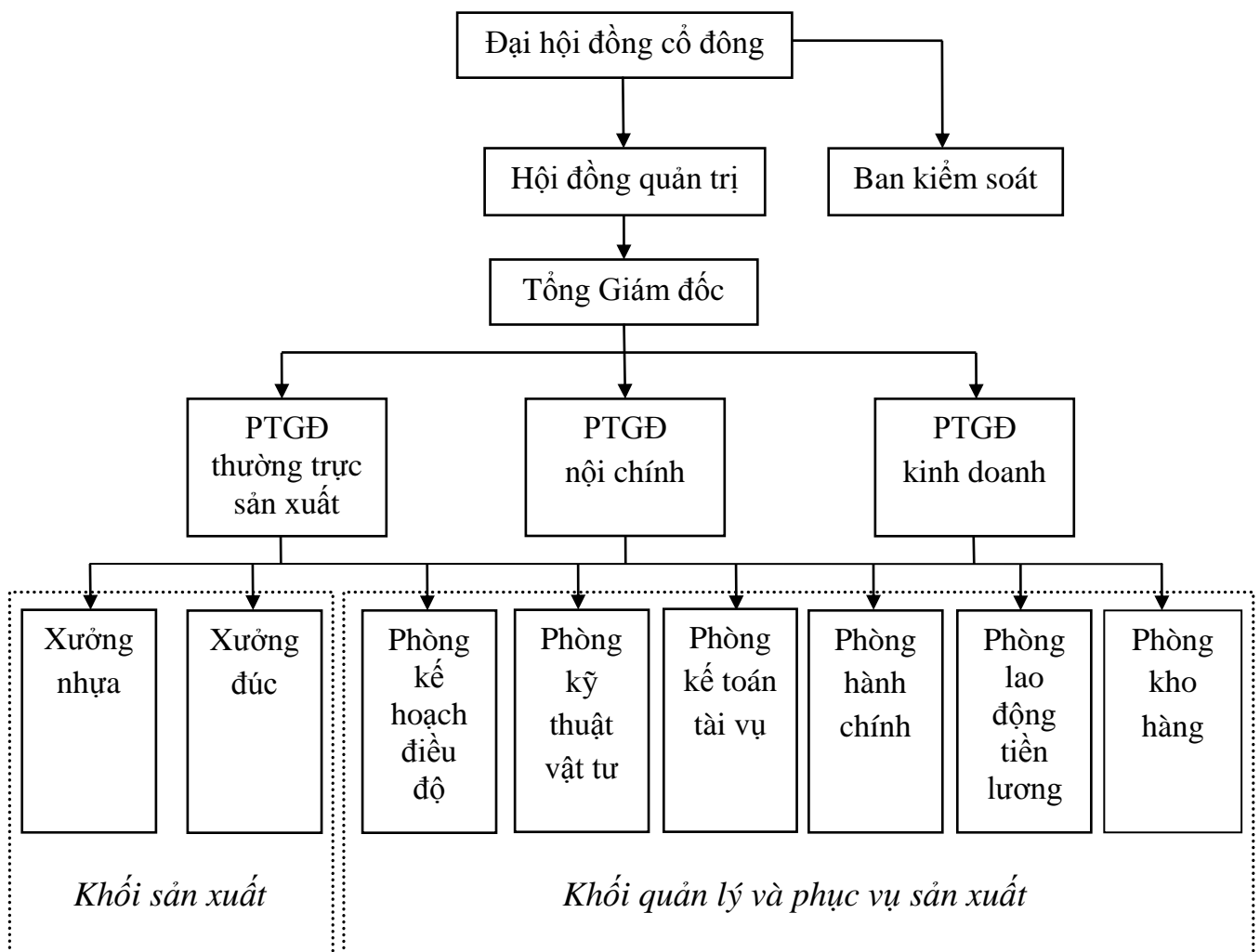


2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Với mục đích điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý quá trình sản xuất đạt hiệu quả cao thì bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, các phòng ban và các phân xưởng. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, bầu ra Hội đồng quản trị để thường trực quản lý công ty và Ban kiểm soát nội bộ công ty.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

- Tổng giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành giám sát hoạt động hàng ngày của công ty, chịu mọi trách nhiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh trước hội đồng quản trị, là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch.

- Phó Tổng giám đốc kinh doanh: Chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu cần thiết của thị trường, của khách hàng, của người tiêu dùng, những nguồn hàng phục vụ cho việc sản xuất của công ty

- Phó Tổng giám đốc thường trực sản xuất: Cung cấp những thông tin giúp tổng giám đốc theo dõi và chỉ đạo công việc sản xuất tại các phân xưởng sản xuất. Trực tiếp điều hành các việc sản xuất tại các xưởng. Đề xuất các ý kiến giúp công ty nâng cao năng lực sản xuất, năng suất lao động.

- Phó Tổng giám đốc nội chính: Giúp điều hành khu vực nội chính nhà máy. Đề xuất đưa ra các ý kiến kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý – sản xuất.

- Phòng kế hoạch điều độ: Có nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, quan hệ giao dịch và khai thác nguồn hàng phục vụ cho các phương án sản xuất kinh doanh của công ty. Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty. Xây dựng, hoàn thiện lập định mức sản xuất kịp thời, chính xác. Hỗ trợ Phòng kế toán tính giá thành sản phẩm

- Phòng kỹ thuật – vật tư: Có nhiệm vụ phối hợp với Phòng kế hoạch điều độ trong việc tìm nguồn hàng, tổ chức trao đổi và mua bán vật tư phục vụ sản xuất. Ghi chép, tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư vào sản xuất, đưa ra kế hoạch vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Phòng kế toán tài vụ: Có nhiệm vụ giúp Ban giám đốc lập kế hoạch kinh doanh cho năm tới và theo dõi các mặt hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán trung thực, đầy đủ, lập báo cáo tài chính về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phòng hành chính: Có nhiệm vụ thực hiện các nghĩa vụ hành chính hỗ trợ cho toàn bộ các đơn vị sản xuất trong nhà máy. Tham mưu và chịu trách nhiệm về các công tác đảm bảo an ninh trật tự nội bộ, bảo vệ sản xuất.

- Phòng lao động – tiền lương: Có nhiệm vụ giúp Ban giám đốc thực hiện việc bố trí, quản lý nhân sự hiệu quả và hợp lý. Xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động và các chế độ chính sách khác.

- Phòng kho hàng: Có nhiệm vụ quản lý, bảo quản hàng hoá, vật tư, sản phẩm của công ty tại các kho hàng. Theo dõi sổ sách, hàng tháng đối chiếu với kế toán vật tư thành phẩm về số lượng nhập – xuất – tồn trong tháng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Để đảm bảo có cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung.

Công ty không có các kế toán viên tại các bộ phận, phân xưởng mà chỉ có các nhân viên thống kê làm nhiệm vụ kiểm tra chứng từ, định kỳ gửi các chứng từ về phòng kế toán tài vụ để kế toán viên hạch toán vào sổ sách. Mô hình bộ máy kế toán tập trung này rất thuận lợi cho việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn nhẹ, bao gồm:

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của các kế toán viên; phối hợp giữa các nội dung của công tác kế toán nhằm đảm bảo sự thống nhất về số liệu kế toán. Nhận xét đánh giá tình hình tài chính của công ty, tham mưu cho Tổng giám đốc về mặt tài chính, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của đơn vị.

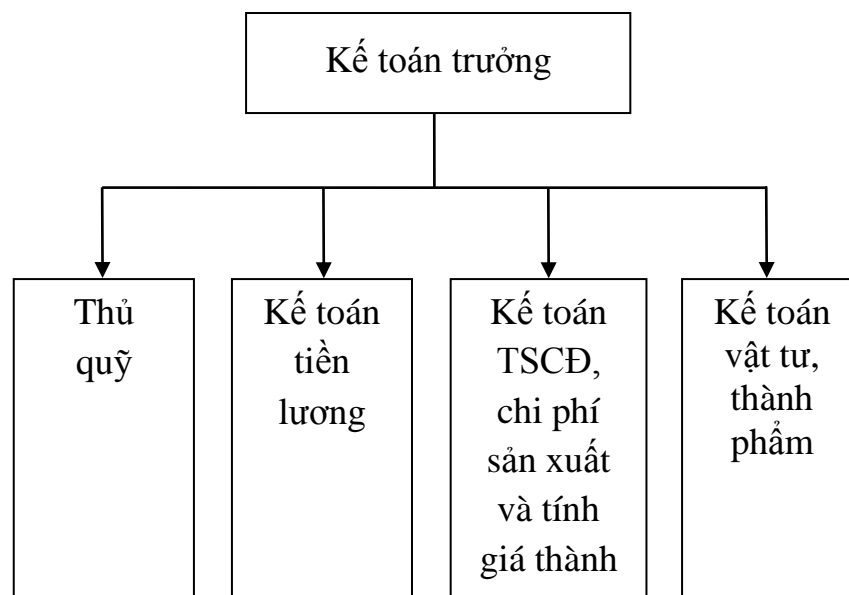
- Kế toán tiền lương: Quản lý lao động về mặt số lượng, dựa vào bảng chấm công của từng phân xưởng, tổ sản xuất và đơn giá tiền lương do Phòng lao động tiền lương gửi lên để tiến hành tính lương cho cán bộ công nhân viên, theo dõi và tính các khoản trích theo lương theo chế độ hiện hành.

- Kế toán TSCĐ, chi phí sản xuất và tính giá thành: Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ, công cụ dụng cụ, phân bổ công cụ dụng cụ và trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Nhà nước. Theo dõi và phân bổ chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho trong kỳ.

- Kế toán vật tư, thành phẩm: Theo dõi tình hình nhập – xuất vật tư, thành phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào các phiếu nhập – xuất và các chứng từ cần thiết khác về vật tư, thành phẩm, hàng hóa nhập – xuất kho để hạch toán vào các sổ sách kế toán liên quan.

- Thủ quỹ: Thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến việc thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại quỹ. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

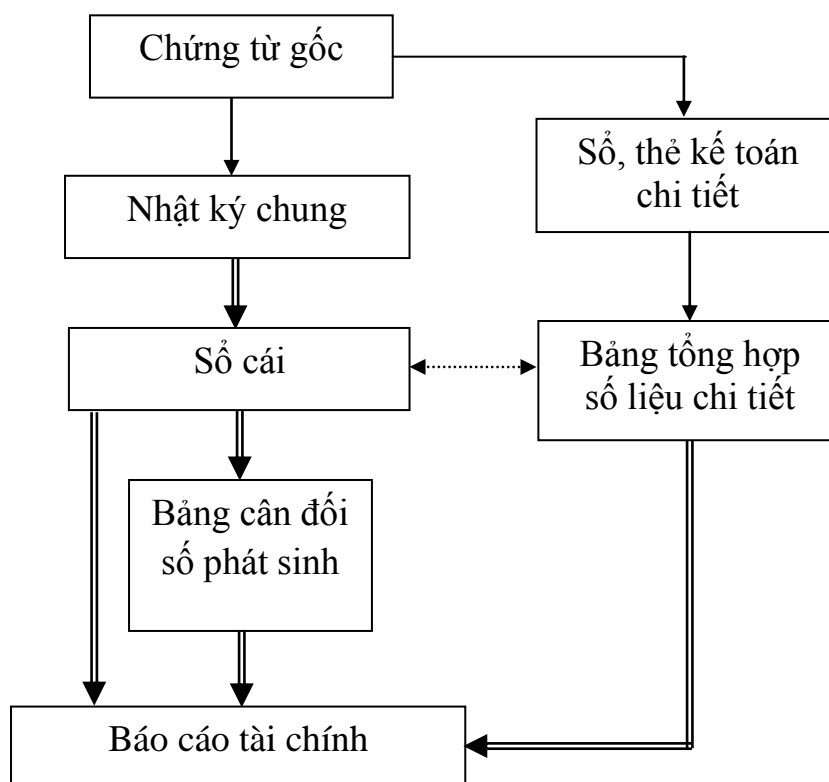
**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán
tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng**



2.4.1.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

- Kỳ kế toán: Áp dụng theo năm. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Kỳ hạch toán: Áp dụng theo tháng.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam.
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thực hiện hạch toán căn cứ vào “Chế độ kế toán doanh nghiệp” ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuân thủ đúng và áp dụng đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng



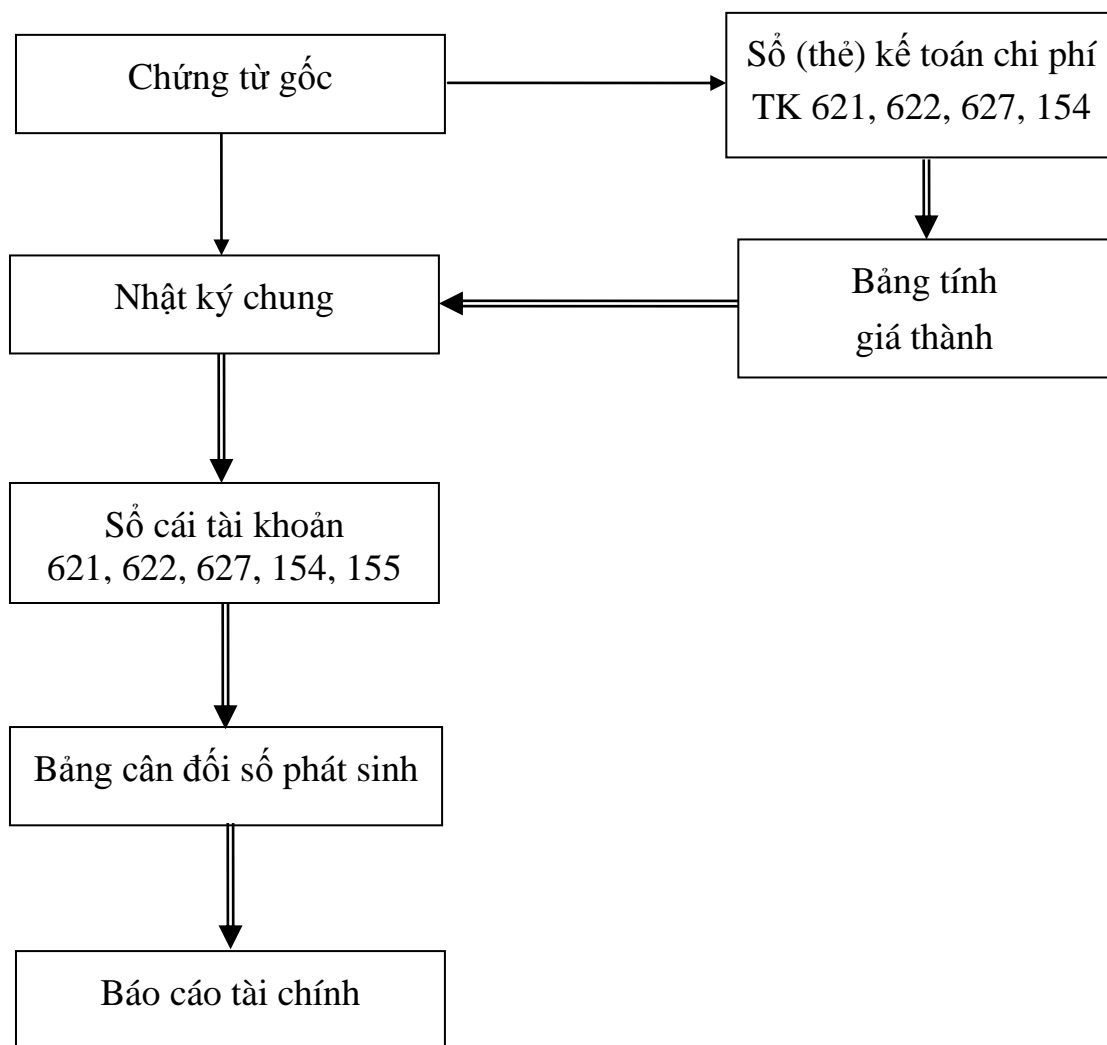
Ghi chú:

————> Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

←-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm
theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty
cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng**



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Áp dụng khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên quản lý phân xưởng và các chi phí khác trong kì hạch toán của công ty phục vụ quá trình sản xuất.

Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng được phân loại theo khoản mục chi phí. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CP NVLTT): Là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu.

- Chi phí nhân công trực tiếp (CP NCTT): Bao gồm tiền lương và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- Chi phí sản xuất chung (CP SXC): Là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, đội sản xuất: chi phí dụng cụ sản xuất, khấu hao, điện, nước,...

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Kế toán chi phí sản xuất là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán vì có tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng, đúng quy định và hợp lý thì công tác tính giá thành sản phẩm mới có tính chính xác và trung thực.

Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng có 2 phân xưởng sản xuất với chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. Mỗi phân xưởng có một quy trình công nghệ khép kín từ khâu đưa nguyên liệu vào đến khi sản phẩm hoàn thành. Sản phẩm ở 2 phân xưởng độc lập với nhau. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty được xác định là từng phân xưởng.

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm cho thích hợp, bộ phận kế toán chi phí - giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất, loại sản phẩm mà công ty sản xuất và cung cấp.

Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng có quy trình công nghệ khép kín theo phân xưởng, độ phức tạp không cao và không có sự gián đoạn về mặt kỹ thuật. Sản phẩm ở mỗi phân xưởng đa dạng về chủng loại và khác biệt nhau về tính chất. Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, công ty xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là từng loại sản phẩm hoàn thành ở từng đơn đặt hàng.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.3.1. Kỳ tính giá thành

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất sản phẩm, Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng.

Việc xác định như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty, đảm bảo tính giá thành một cách kịp thời, nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được hiệu quả hơn.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất, sử dụng cùng một loại nguyên liệu, thu được nhiều chủng loại sản phẩm với quy cách, phẩm chất khác nhau. Xuất phát từ đặc điểm sản xuất và để giảm khối lượng hạch toán, công ty áp dụng phương pháp tỷ lệ để tính giá thành. Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị từng loại sản phẩm. Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế} \\ \text{hoạch (định mức)} \\ \text{các loại sản phẩm} \end{array} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{(định mức) đơn vị sản} \\ \text{phẩm từng loại} \end{array} \right)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{thực tế các loại} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{chi phí} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành thực tế} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế hoạch} \\ \text{(định mức) từng loại sản phẩm} \end{array} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình chế tạo sản phẩm.

* *Hệ thống chứng từ sử dụng*: Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho

* *Tài khoản sử dụng*: Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 – “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 621	Có
Trị giá thực tế NVL xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ hạch toán.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển trị giá NVL thực tế sử dụng cho sản xuất sản phẩm.- Phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu dùng không hết nhập lại kho.- Kết chuyển CPNVLTT vượt trên mức bình thường.

Tài khoản 621 được theo dõi chi tiết theo từng phân xưởng:

- TK 6211: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của xưởng nhựa.

- TK 6212: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của xưởng đúc.

* *Sổ sách sử dụng để hạch toán CP NVLTT*: Sổ cái TK 621, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mở cho TK 621).

* *Nội dung hạch toán CP NVLTT tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng*

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 70%) nên việc hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định lượng tiêu hao vật chất trong quá trình sản xuất và đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm. Nguyên vật liệu trực tiếp dùng ở công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính (TK 1521): Là thành phần cơ bản cấu thành lên sản phẩm: hạt nhựa PP, ABS, PVC,...

- Nguyên vật liệu phụ (TK 1522): Được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm: hạt nhựa màu, bột màu, sơn và các phụ gia khác. Mặt khác vật liệu phụ còn được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý: dầu, mỡ máy,...

- Nhiên liệu, động lực (TK 1523): xăng, dầu, khí gas,...

Công ty hiện có 3 kho, nguyên vật liệu được quản lý ở kho 1 và 3, kho 2 là kho thành phẩm. Trong đó ở kho 1 là kho quản lý nguyên vật liệu của xưởng nhựa.

Trước khi tiến hành sản xuất, phòng kế hoạch điều độ tiến hành lập kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, nhu cầu sản xuất thực tế và định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phòng kỹ thuật – vật tư sẽ lập kế hoạch mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Nguyên vật liệu mua vào được tính theo giá thực tế khi mua cộng với các chi phí liên quan đến công tác thu mua.

<i>Trị giá thực tế hàng mua vào</i>	<i>=</i>	<i>Trị giá thực tế ghi trên hóa đơn</i>	<i>+</i>	<i>Chi phí thu mua thực tế phát sinh</i>	<i>+</i>	<i>Các khoản thuế không được hoàn lại</i>	<i>-</i>	<i>Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng</i>
-------------------------------------	----------	---	----------	--	----------	---	----------	--

Hàng ngày căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, các tổ sản xuất đối chiếu giữa mức vật tư cần thiết và lượng vật tư còn tồn ở phân xưởng để lập phiếu yêu cầu lĩnh vật tư. Phiếu lĩnh vật tư sau khi có xác nhận của quản đốc phân xưởng, phòng kỹ thuật – vật tư và Phó Tổng giám đốc sản xuất thì được chuyển xuống phòng kế toán để viết phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại quyền.

- Liên 2: Giao cho người nhận hàng.

- Liên 3: Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho, sau đó chuyển lại cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Tại kho, thủ kho sau khi xem xét tính hợp lệ của phiếu xuất kho và căn cứ vào hàng còn trong kho sẽ xuất tiến hành xuất vật tư, ghi số lượng xuất vào phần thực xuất và ký vào phiếu xuất kho.

Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng sử dụng phương pháp hạch toán thẻ song song để hạch toán chi tiết vật liệu. Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật tư về mặt số lượng. Sau khi ghi thẻ kho, thủ kho chuyển lại phiếu xuất kho cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán. Kế toán sử dụng sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm theo từng loại vật tư tương ứng với thẻ kho đã được mở ở kho về cả hai mặt giá trị và số lượng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh khi xuất kho nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm. Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để xác định trị giá vật liệu xuất kho:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong tháng}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Số lượng thực tế NVL nhập trong tháng}}$$

$$\text{Trị giá NVL xuất dùng} = \text{Số lượng NVL xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ}$$

Ví dụ: Ngày 28/12/2009, xuất kho vật liệu phục vụ sản xuất ở xưởng nhựa.

Căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư đã được phòng kỹ thuật – vật tư và Phó Tổng giám đốc ký duyệt, kế toán viết Phiếu xuất kho số 32/12 (**Biểu số 2.2**)

Biểu số 2.2

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG **Mẫu số 02 – VT**
Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng *(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: 621

Có: 152

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Số: 32/12

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Thanh

Địa chỉ: Xưởng nhựa

Lý do xuất kho: Xuất vật tư phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: kho 1

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa PP-M520	1521-01-001	Kg	455	455	30.425,9	13.843.785
2	Hạt nhựa PP-M540	1521-01-002	Kg	305	305	30.332,5	9.251.413
3	Hạt nhựa ABS -740	1521-01-010	Kg	462	462	42.105,3	19.452.649
4	Hạt màu Black-HQ	1522-01-005	Kg	235	235	34.703,2	8.155.252
5	Sơn 203 u/c	1522-01-023	Kg	60	60	146.333,6	8.780.016
	Cộng						59.483.115

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, một trăm mười lăm đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

**Người lập
phiếu***(Ký, họ tên)***Người nhận
hàng***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)*

Đơn giá xuất kho của từng loại vật liệu ghi trên phiếu xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Việc tính giá bình quân cả kỳ được thực hiện 1 lần vào cuối tháng. Kế toán căn cứ vào số liệu trên Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) để tính ra đơn giá bình quân cả kỳ của từng loại hàng. Sau đây em xin trình bày cách tính đơn giá xuất kho của hạt nhựa PP – M520.

Hàng ngày sau khi nhận được phiếu nhập – xuất kho liên quan đến hạt nhựa PP – M520, kế toán tiến hành ghi vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) mở cho hạt nhựa PP – M520 (**Biểu số 2.3**). Đến cuối tháng, kế toán tiến hành tổng hợp số lượng và trị giá vật liệu nhập trong kỳ, tồn đầu kỳ và tính giá đơn vị bình quân cả kỳ như sau:

Theo số liệu trên Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa), trong tháng 12/2009, công ty đã nhập vào 7.160 kg hạt nhựa PP – M520 với tổng trị giá là 218.170.000.

Mặt khác tồn kho đầu kỳ của hạt nhựa trên là 871 kg trị giá 26.180.344. Áp dụng công thức theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân cả kỳ} \\ \text{hạt nhựa PP – M520} \end{array} = \frac{26.180.344 + 218.170.000}{871 + 7.160} = 30.425,9$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{hạt nhựa PP – M520} \\ \text{xuất ngày 28/12} \end{array} = 455 \times 30.425,9 = 13.843.785$$

Tương tự như vậy, kế toán cũng tính được đơn giá xuất kho của các loại vật tư khác.

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán ghi vào các sổ sách liên quan: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 621; Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 621.

Biểu số 2.3

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản: 1521

Tên kho: kho 1

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Hạt nhựa PP – M520

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): 1521-01-001

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		30.057,8					871	26.180.344
PN02/12	02/12	Mua hạt nhựa nhập kho chưa tt	331	30.416	2.500	76.040.000			3.371	
PX08/12	05/12	Xuất kho hạt nhựa phục vụ sx	6211	30.425,9			394	11.987.805	2.977	
									
PN20/12	14/12	Mua hạt nhựa nhập kho trả = CK	112	30.500	2.860	87.230.000			3.976	
									
PX32/12	28/12	Xuất kho hạt nhựa phục vụ sx	6211	30.425,9			455	13.843.785	1.090	33.164.231
		Cộng phát sinh			7.160	218.170.000	4.077	211.186.113		
		Số dư cuối kỳ		30.425,9					1.090	33.164.231

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán ghi Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – chi tiết TK 621 (**Biểu số 2.4**)

Biểu số 2.4

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - TK 6211

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu chính	Vật liệu phụ	Nhiên liệu
		Số dư đầu tháng						
PX08/12	05/12	Xuất kho vật tư phục vụ sản xuất	152	105.380.962		86.940.766	18.440.196	-
							
PX19/12	14/12	Xuất kho vật tư phục vụ sản xuất	152	74.238.667		55.783.895	18.454.772	-
							
PX32/12	28/12	Xuất kho vật tư phục vụ sản xuất	152	59.483.115		42.547.847	16.935.268	-
							
PKT01/12	31/12	K/c CP NVLTT tính giá thành	1541		873.226.497			
		Cộng phát sinh		873.226.497	873.226.497	578.295.693	294.930.804	-
		Số dư cuối tháng						

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5**)

Biểu số 2.5

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
						
PX 08/12	05/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	63	621		105.380.962	
			64		152		105.380.962
						
PX 19/12	14/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	114	621		74.238.667	
			115		152		74.238.667
						
PX 32/12	28/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	221	621		59.483.115	
			222		152		59.483.115
						
PKT01/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng nhựa	269	154		1.315.490.205	
			270		621		873.226.497
			271		622		207.328.812
			272		627		234.934.896
PKT02/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng đúc	273	154		914.341.323	
			274		621		563.231.091
			275		622		102.544.357
			276		627		248.565.875
						
		Cộng				11.203.688.485	11.203.688.485

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ cái TK 621 (**Biểu số 2.6**)

Biểu số 2.6

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					
						
PX 08/12	05/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	3	63	152	105.380.962	
						
PX 19/12	14/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	5	114	152	74.238.667	
						
PX 32/12	28/12	Xuất vật tư cho sản xuất ở x.nhựa	9	221	152	59.483.115	
						
PKT01/12	31/12	K/c CP NVLTT tính Z tại x.nhựa	11	270	1541		873.226.497
PKT02/12	31/12	K/c CP NVLTT tính Z tại x.đúc	11	274	1542		563.231.091
						
		Cộng phát sinh				1.436.457.588	1.436.457.588
		Số dư cuối tháng					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Chi phí nhân công trực tiếp ở Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Ngoài ra, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý tại phân xưởng cũng được tính chung vào chi phí nhân công trực tiếp.

* *Hệ thống chứng từ*: Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.

* *Tài khoản sử dụng*: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 622 – “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 622	Có
CP NCTT tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: Tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển CP NCTT vào tài khoản tính giá thành- Kết chuyển CP NCTT vượt trên mức bình thường vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài khoản 622 được tập hợp riêng cho 2 phân xưởng sản xuất

- TK 6221: Chi phí nhân công trực tiếp của xưởng nhựa.

- TK 6222: Chi phí nhân công trực tiếp của xưởng đúc.

* *Sổ sách sử dụng để hạch toán CP NCTT*: Sổ cái TK 622, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mở cho TK 622).

* Nội dung hạch toán CP NCTT tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Việc tính lương của công ty được thực hiện như sau:

- Hàng ngày, tổ trưởng ở mỗi phân xưởng có nhiệm vụ trực tiếp theo dõi thời gian làm việc thực tế và chấm công cho từng công nhân trong ngày để ghi vào Bảng chấm công.

- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng chấm công và hệ số lương của từng công nhân, kế toán tính ra tiền lương trả cho công nhân viên phân xưởng và các khoản phụ cấp. Hiện Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Lương thời gian là số tiền được hưởng căn cứ vào hệ số lương và thời gian làm việc của công nhân trong tháng.

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương}}{\text{Số ngày công theo chế độ}} \times \text{Số ngày công làm việc thực tế}$$

Ngoài tiền lương theo thời gian, người lao động còn được nhận thêm các khoản khác như: tiền lương Chủ nhật, lương mất điện nhờ việc, lương bảo dưỡng máy móc,... và phụ cấp như: phụ cấp trách nhiệm chức vụ (đối với những lao động làm công tác quản lý), phụ cấp làm thêm giờ,...

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn được trích lập cụ thể như sau:

- BHXH: Được trích 20% trên tiền lương cơ bản của người lao động. Trong đó 15% tính vào chi phí sản xuất trong kỳ còn 5% được trừ vào lương của người lao động.

- BHYT: Được trích 3 % trên tiền lương cơ bản của người lao động. Trong đó 2% tính vào chi phí sản xuất trong kỳ, 1% trừ vào lương của người lao động.

- BHTN: Được trích 2 % trên tiền lương cơ bản. Trong đó 1 % tính vào chi phí sản xuất trong kỳ, 1% trừ vào lương của người lao động.

- KPCĐ: Được trích 2 % trên lương thực tế. Trong đó 1 % tính vào chi phí sản xuất trong kỳ, 1 % còn lại được tính vào lương của người lao động và được giữ lại công ty để dùng cho hoạt động công đoàn.

Ví dụ: Tính ra lương phải trả cho anh Phạm Văn Thành – quản đốc xưởng nhựa trong tháng 12/2009.

Căn cứ vào Bảng chấm công xưởng nhựa, kế toán xác định số ngày công làm việc thực tế trong tháng 12/2009 của anh Phạm Văn Thành là 31,5.

- Hệ số lương của anh Thành là 2,96
- Công ty áp dụng mức lương tối thiểu theo vùng là 740.000

$$\text{Lương thời gian} = \frac{740.000 \times 2,96}{26} \times 31,5 = 2.653.754$$

Trong tháng, anh Thành còn được hưởng thêm 1 số khoản khác:

- Tiền lương Chủ nhật: 150.000
- Phụ cấp ca đêm: 30.000
- Phụ cấp chức vụ: 296.000

Tổng tiền lương thực tế của anh Thành tháng 12/2009 là:

$$2.653.754 + 150.000 + 30.000 + 296.000 = 3.129.754$$

Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ giảm trừ thu nhập anh Thành được tính như sau:

- BHXH (5%), BHYT(1%), BHTN (1%) được trích trên lương cơ bản:

$$[(740.000 \times 2,96) + 296.000] \times 7\% = 174.048$$

- KPCĐ (1%) được trích trên lương thực tế:

$$3.129.754 \times 1\% = 31.298$$

Vậy tiền lương thực lĩnh của anh Thành tháng 12/2009 là: 2.924.408

Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí sản xuất:

- BHXH (15%), BHYT (2%), BHTN (1%) được trích trên lương cơ bản:

$$[(740.000 \times 2,96) + 296.000] \times 18\% = 447.552$$

- KPCĐ (1%) được trích trên lương thực tế:

$$3.129.754 \times 1\% = 31.298$$

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, mỗi phòng ban, phân xưởng đều được lập một bảng thanh toán lương riêng. Dưới đây là Bảng thanh toán lương xưởng nhựa tháng 12/2009 (**Biểu số 2.7**).

Biểu số 2.7

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG XUỐNG NHỰA

Tháng 12 năm 2009

S T T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	HỆ SỐ	SỐ CÔNG	TIỀN LƯƠNG THỜI GIAN	TIỀN LƯƠNG CHỦ NHẬT	LƯƠNG NGHỈ PHÉP, CHẾ ĐỘ	PHỤ CẤP CA ĐÊM	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM, CHỨC VỤ	LƯƠNG BẢO DƯỠNG MMTB, ĐI HỌC	TỔNG LƯƠNG	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ		TIỀN LƯƠNG THỰC NHẬN
												BHXH, BHYT, BHTN	KPCĐ	
1	Phạm Văn Thành	QĐ	2,96	31,5	2.653.754	150.000	-	30.000	296.000	-	3.129.754	174.048	31.298	2.924.408
2	Lê Văn Huy	TC	2,92	29,5	2.451.677	120.000	-	15.000	148.000	-	2.734.677	161.616	27.347	2.545.714
3	Phạm Văn Thanh	TC	3,45	30	2.945.769	120.000	-	15.000	148.000	-	3.425.154	189.070	34.252	3.007.412
4	Vũ Trung Tín	TT	3,45	30	2.945.769	120.000	-	15.000	74.000	-	3.154.769	183.890	31.548	2.939.332
5	Nguyễn Sơn Thủy	CN	2,31	28,5	1.873.765	120.000	65.746	15.000	-	-	2.089.511	119.658	20.895	1.948.958
6	Bùi Văn Thanh	CN	2,31	31	2.038.131	135.000	-	15.000	-	-	2.188.131	119.658	21.881	2.046.591
7	Lương Mạnh Hà	CN	1,67	28,5	1.354.627	135.000	47.531	15.000	-	-	1.552.158	86.506	15.522	1.450.130
8	Đặng Xuân Toàn	CN	2,31	30,5	2.005.258	60.000	-	15.000	-	65.746	2.146.004	119.658	21.460	2.004.886
9	Doãn Văn Quý	TT	2,31	31	2.038.131	135.000	-	30.000	74.000	-	2.277.131	124.838	22.771	2.129.521
													
71	Nguyễn Thị Huệ	TT	2,16	30,5	1.875.046	60.000	-	30.000	74.000	61.477	2.100.523	117.068	21.005	1.962.450
72	Lê Thị Liên	CN	1,96	30	1.673.538	60.000	-	15.000	-	-	1.748.538	101.528	17.485	1.629.525
73	Phạm Thị Thanh	CN	1,55	27	1.191.115	90.000	88.231	15.000	-	-	1.384.346	80.290	13.843	1.290.213
74	Đỗ Thị Huyền	CN	1,55	30,5	1.345.519	60.000	44.115	15.000	-	44.115	1.508.749	80.290	15.087	1.413.372
	Cộng				168.869.670	6.603.600	2.329.293	1.584.000	2.886.000	7.572.231	189.844.794	6.061.055	1.898.448	181.885.291

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ - Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương, kế toán tiến hành trích BHXH và lập Bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 12/2009 (**Biểu số 2.8**)
 Theo số liệu trong bảng này, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh tại xưởng nhựa tháng 12/2009 là **207.328.812**

Biểu số 2.8

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG
 Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BHXH

Tháng 12 năm 2009

STT	Ghi Có tài khoản Đối tượng sử dụng	TK 334			TK 338					Tổng cộng
		Lương	Phụ cấp	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	
1	TK622 – CPNCTT	251.376.342	30.067.578	281.443.920	21.345.675	2.846.090	1.423.045	2.814.439	28.429.249	309.873.169
	- Xưởng nhựa	168.869.670	20.975.124	189.844.794	12.987.975	1.731.730	865.865	1.898.448	17.484.018	207.328.812
	- Xưởng đúc	82.506.672	9.092.454	91.599.126	8.357.700	1.114.360	557.180	915.991	10.945.231	102.544.357
2	TK 642 – CP QLDN	141.343.500	18.425.668	159.769.168	11.601.525	1.546.870	773.435	1.597.692	15.519.522	175.288.690
	Phòng kế hoạch điều độ	25.488.167	-	25.488.167	1.722.061	229.608	114.804	254.882	2.321.355	27.809.521
									
	Cộng	392.719.842	48.493.246	441.213.088	32.947.200	4.392.960	2.196.480	4.412.131	43.948.771	485.161.859

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ - Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, kế toán ghi vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – chi tiết cho TK 622 (**Biểu số 2.9**)

Biểu số 2.9

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp- TK 6221

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
SH	NT			Nợ	Có	Lương	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ
		Số dư đầu tháng								
BTLXN	31/12	Tính ra lương trả CNV x.nhựa	334	189.844.794		189.844.794				
BPBL	31/12	Trích BHXH, BHTN, BHYT, KPCĐ	338	17.484.018			12.987.975	1.731.730	865.865	1.898.448
PKT01/12	31/12	K/c CP NCTT tính giá thành	1541		207.328.812					
		Cộng phát sinh		207.328.812	207.328.812	189.844.794	12.987.975	1.731.730	865.865	1.898.448
		Số dư cuối kỳ								

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Đồng thời căn cứ vào Bảng thanh toán lương và Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.10**).

Biểu số 2.10

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
						
BTL	31/12	Tính lương phải trả CNV x.nhựa	245	622		189.844.794	
BTL	31/12	Tính lương phải trả CNV x.đúc	246	622		91.599.126	
BTL	31/12	Tính lương phải trả cán bộ quản lý	247	642		159.769.168	
			248		334		159.769.168
BPBL	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào CP	249	622		17.484.018	
			250	622		10.945.231	
			251	642		15.519.522	
			252		338		43.948.771
BPBL	31/12	Các khoản giảm trừ thu nhập NLĐ	253	334		19.787.491	
			254		338		19.787.491
						
PKT01/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng nhựa	269	154		1.315.490.205	
			270		621		873.226.497
			271		622		207.328.812
			272		627		234.934.896
PKT02/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng đúc	273	154		914.341.323	
			274		621		563.231.091
			275		622		102.544.357
			276		627		248.565.875
						
		Cộng				11.203.688.485	11.203.688.485

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 622 (**Biểu số 2.11**)

Biểu số 2.11

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ứ	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					
BTL	31/12	Tính lương phải trả CNV x.nhựa	10	245	334	189.844.794	
BTL	31/12	Tính lương phải trả CNV x.đúc	10	246	334	91.599.126	
BPBL	31/12	Trích theo lương tính vào CP x.nhựa	10	249	338	17.484.018	
BPBL	31/12	Trích theo lương tính vào CP x.đúc	10	250	338	10.945.231	
PKT01/12	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại x.nhựa	11	271	1541		207.328.812
PKT02/12	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại x. đúc	11	275	1542		102.544.357
		Cộng phát sinh				309.873.169	309.873.169
		Số dư cuối tháng					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Chi phí sản xuất chung của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng là những chi phí bỏ ra để phục vụ sản xuất cho toàn phân xưởng ngoài hai khoản mục chi phí nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp.

* *Hệ thống chứng từ*: Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Phiếu xuất kho vật liệu, dụng cụ; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Hoá đơn các chi phí dịch vụ mua ngoài,...

* *Tài khoản sử dụng*: Để hạch toán chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng tài khoản 627 – “Chi phí sản xuất chung”. Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, tài khoản 627 được tập hợp riêng cho từng phân xưởng sản xuất và chi tiết theo các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6272: Chi phí vật liệu.
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, do không có sự tách biệt về chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác nên kế toán tổng hợp cả hai loại vào TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 627	Có
Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.	- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung. - Kết chuyển CP SXC vào tài khoản tính giá thành. - Chi phí SXC cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.	

* *Sổ sách sử dụng để hạch toán CP SXC: Sổ cái TK 627, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 627.*

* *Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng:*

a. Chi phí nguyên liệu

Chi phí nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất chung tại Công ty bao gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu như dầu DO, dầu diezen, khí gas... xuất dùng phục vụ sản xuất chung. Nguyên vật liệu có rất nhiều loại, mỗi loại có những đặc điểm riêng. Phiếu xuất kho phải được viết rõ về vật liệu xuất cho phân xưởng nào. Vì thế, cuối tháng kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho để tập hợp chi phí vật liệu cho từng phân xưởng.

b. Chi phí dụng cụ

Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất chung tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng bao gồm các khoản chi phí về quần áo, giày dép, găng tay, khẩu trang,... xuất dùng cho công nhân sản xuất ở phân xưởng và các chi phí về dụng cụ sản xuất: rổ, khay, chổi,... Ngoài ra chi phí dụng cụ còn bao gồm chi phí phân bổ máy móc thiết bị (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ) như khuôn mẫu, máy đánh bóng, máy dán túi, bao bì....

Các công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ thì được phân bổ hết một lần vào chi phí, còn các công cụ dụng cụ có giá trị lớn thì sẽ được tập hợp vào TK 142 – “ Chi phí trả trước ngắn hạn” (phân bổ trong năm) hoặc TK 242 – “ Chi phí trả trước dài hạn” (phân bổ trong nhiều năm).

Cũng tương tự như chi phí vật liệu, các phiếu xuất kho liên quan đến công cụ dụng cụ cũng được tập hợp riêng cho từng phân xưởng.

Tổng giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho các phân xưởng được thể hiện trên Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tháng 12/2009 (**Biểu số 2.12**).

Biểu số 2.12

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q. Hải An, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 12 năm 2009

STT	Đối tượng sử dụng	TK 152	TK 153	TK 142
1	TK 621 – Chi phí NVLTT			
	- Xưởng nhựa	873.226.497		
	- Xưởng đúc	563.231.091		
2	TK 627 – Chi phí SXC			
	- Xưởng nhựa	10.114.127	8.525.540	4.869.114
	- Xưởng đúc	11.815.030	7.189.170	5.674.220
3	TK 641 – Chi phí bán hàng		5.509.651	
4	TK 642 – Chi phí quản lý DN		603.283	5.709.982
	Cộng	1.448.386.745	31.827.599	16.253.316

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

*(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)***c. Chi phí khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của công ty được quản lý theo đơn vị sử dụng – từng phân xưởng nên việc tính khấu hao TSCĐ được thực hiện trên từng phân xưởng và tập hợp trực tiếp cho phân xưởng đó. Đối với những máy móc đang sử dụng nhưng đã hết khấu hao kế toán không tiến hành trích khấu hao nữa. Với những máy móc thiết bị đang sử dụng, công ty đang áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

$$\text{Mức khấu hao theo tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12 \text{ tháng}}$$

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tính và phân bổ khấu hao (**Biểu số 2.13**)

Biểu số 2.13

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2009

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Thời gian SD	GTHM lũy kế đến cuối tháng 11	Mức khấu hao tháng này	Phân bổ cho các bộ phận			GTHM lũy kế đến cuối tháng 12	Giá trị còn lại
						627-N	627-Đ	642		
I	Nhà cửa vật kiến trúc	5.704.014.247		2.140.571.428	23.622.398	10.176.805	9.761.043	3.684.550	2.164.193.826	3.539.820.421
1	Phân xưởng, nhà vp	4.468.320.000	23	1.521.819.130	16.189.565	7.358.893	6.745.652	2.085.020	1.538.008.695	2.930.311.305
									
II	Máy móc thiết bị	25.324.737.009		12.388.361.851	178.841.408	134.903.230	43.938.178	-	12.567.203.259	12.757.533.750
1	Máy ép nhựa 550MT	2.560.952.341	12	1.031.494.693	17.784.391	17.784.391			1.049.279.084	1.511.673.257
2	Máy phun nhựa 850	2.755.884.655	12	1.339.666.152	19.138.088	19.138.088			1.358.804.240	1.397.080.415
3	Máy ép nhựa 160MT	411.022.759	11	255.332.320	3.113.809	3.113.809			258.446.129	152.576.630
4	Máy nén khí	127.379.172	11	67.549.561	964.994		964.994		68.514.555	58.864.617
									
III	Phương tiện truyền dẫn	22.467.347		9.628.389	709.588	-	-	709.588	10.337.977	12.129.370
VI	Thiết bị dụng cụ quản lý	78.714.962		37.120.843	1.311.233	-	-	1.311.233	38.432.076	40.282.886
	Cộng	31.129.933.565		14.575.682.511	204.484.627	145.080.035	53.699.221	5.705.371	14.780.167.138	16.349.766.427

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ - Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

d. Chi phí bằng tiền khác

Đây là các khoản chi phí phát sinh trong phân xưởng ngoài các chi phí kê trên: tiền điện, nước, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị. Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, kế toán không sử dụng TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài, mà tổng hợp luôn vào TK 6278 do các dịch vụ mua ngoài công ty sử dụng tiền mặt để thanh toán trực tiếp.

- Chi phí điện, nước được tính dựa trên các chứng từ như hoá đơn thanh toán tiền điện, nước. Hàng tháng, căn cứ hoá đơn dịch vụ mua ngoài hoặc căn cứ vào đồng hồ đo điện (nước), người cung cấp sẽ gửi hoá đơn thanh toán đến công ty. Chi phí điện, nước được tập hợp chung cho toàn công ty rồi sau đó phân bổ riêng cho từng bộ phận sản xuất, quản lý.

Ở các phân xưởng, điện sử dụng là điện 3 pha nên tiền điện ở phân xưởng sản xuất được tập hợp riêng theo hóa đơn điện sản xuất. Khi nhận được hóa đơn, chứng từ hợp lệ, tiền điện nước được kế toán phân bổ cho từng phân xưởng theo công suất máy.

- Chi phí khác như chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy móc phát sinh tại phân xưởng nào được tập hợp cho phân xưởng đó. Kế toán căn cứ vào chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu chi tiền mặt để ghi vào Nhật ký chung và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK627.

Ví dụ: Ngày 11/12/2009, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền sửa đường ống nước làm mát ở xưởng nhựa.

Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán của ông Phạm Văn Thành – Quản đốc xưởng nhựa và Hóa đơn GTGT hợp lệ, kế toán viết Phiếu chi 12/12 (**Biểu số 2.14**)

Biểu số 2.14

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG
Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Số : 12/12
Nợ: 627
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Thành

Địa chỉ: Xưởng nhựa

Lý do chi: Sửa đường ống nước làm mát

Số tiền: 3.715.000 (Viết bằng chữ) Ba triệu, bảy trăm mười năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Chi phí bằng tiền khác tập hợp được cho xưởng nhựa trong tháng 12/2009 là **234.934.896**

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ; Bảng tính và phân bổ khấu hao; hóa đơn chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi vào các sổ: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – chi tiết TK 627 (**Biểu số 2.15**), Nhật ký chung, Sổ cái TK 627.

Biểu số 2.15

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí nhân sản xuất chung – TK 627- N

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu	Dụng cụ	Khấu hao	Chi bằng tiền #
		Số dư đầu tháng							
								
PC 12/12	11/12	Thanh toán tiền sửa đường ống nước	111	3.715.000					3.715.000
PC 17/12	18/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	111	53.883.272					53.883.272
								
BPB	31/12	Phân bổ NVL cho xưởng nhựa	152	10.114.127		10.114.127			
BPB	31/12	Phân bổ CCDC cho xưởng nhựa	153	8.525.540			8.525.540		
BPB	31/12	Phân bổ CCDC cho xưởng nhựa	142	4.869.114					4.869.114
BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ	214	145.080.035					
PKT01/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại xưởng nhựa	1541		234.934.896				
		Cộng phát sinh		234.934.896	234.934.896	10.114.127	8.525.540	145.080.035	71.215.197
		Số dư cuối tháng							

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Căn cứ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ; Bảng tính và phân bổ khấu hao cùng các hóa đơn chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**)

Biểu số 2.16

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
						
PC 12/12	11/12	Thanh toán tiền sửa đường ống nước	97	627		3.715.000	
			98		111		3.715.000
						
PC 17/12	18/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	139	627		93.521.939	
			140	642		5.307.882	
			141	133		9.882.982	
			142		111		108.712.803
						
BPB	31/12	Phân bổ CCDC tháng 12	261	627		10.543.334	
			262	642		5.709.982	
			263		142		16.253.316
						
BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12	264	627		198.779.256	
			265	642		5.705.371	
			266		214		204.484.627
						
PKT01/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng nhựa	269	154		1.315.490.205	
			270		621		873.226.497
			271		622		207.328.812
			272		627		234.934.896
						
		Cộng				11.203.688.485	11.203.688.485

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Từ Nhật ký chung, kế toán ghi số liệu vào Sổ cái TK627 (**Biểu số 2.17**)

Biểu số 2.17

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ứ	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					
						
PC 12/12	11/12	Thanh toán tiền sửa đường ống nước	4	97	111	3.715.000	
						
PC 17/12	18/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	6	139	111	93.521.939	
						
BPB	31/12	Phân bổ NVL, CCDC	11	255	152	21.632.157	
			11	257	153	15.714.710	
			11	261	142	10.543.334	
BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ	11	264	214	198.779.256	
PKT01/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại xưởng nhựa	11	272	1541		234.934.896
PKT02/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại xưởng đúc	11	276	1542		248.565.875
		Cộng phát sinh				309.873.169	309.873.169
		Số dư cuối tháng					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

** Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán để kết chuyển chi phí, Bảng xác định giá trị sản phẩm dở dang, Bảng giá thành kế hoạch theo sản lượng thực tế, Bảng tính giá thành (theo phương pháp tỷ lệ).

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 154 được sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm. Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng phân xưởng sản xuất.

- TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xưởng nhựa.

- TK 1542: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xưởng đúc.

Tài khoản này có kết cấu như sau:

Bên Nợ: Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ.

Bên Có:

- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gia công xong nhập lại kho.

- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho.

- Phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 154, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 154

** Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng*

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Đánh giá sản phẩm dở dang là công việc cần phải thực hiện trước khi xác định giá thành sản phẩm. Việc đánh giá sản phẩm dở dang còn tùy thuộc vào tình hình cụ thể tổ chức sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ,... của từng công ty.

Tại xưởng nhựa của công ty, sản phẩm dở dang thường ở khâu xếp lên xe chờ nguội và hoàn thiện sản phẩm. Sản phẩm dở dang là các chi tiết nhựa mộc chưa được cắt bỏ bavias hoặc chưa sơn hay đang sơn dở. Cuối tháng nhân viên thống kê phân xưởng kiểm kê số lượng chi tiết sản phẩm dở dang và lập báo cáo kiểm kê gửi về phòng kế toán tài vụ để kế toán tiến hành xác định trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, việc xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ được thực hiện theo phương pháp định mức (kế hoạch). Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ \text{Chi phí sản xuất sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{kế hoạch đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ} \\ \text{hoàn thành} \end{array} \right)$$

Ví dụ: Trong tháng 12/2009 công ty sản xuất hoàn thành 2.065 chiếc chắn bùn xe máy và số lượng sản phẩm dở dang là 419 chiếc. Giá thành kế hoạch của 1 chiếc chắn bùn xe máy là 67.938 đ/chiếc. Trong đó:

- Chi phí NVLTT_{kế hoạch} : 40.100
- Chi phí NCTT_{kế hoạch} : 23.633
- Chi phí SXC_{kế hoạch} : 4.205

Các chi tiết chắn bùn xe máy hầu hết mới chỉ được cắt bỏ bavias, chưa được phun sơn hoàn thiện. Căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành và định mức các khoản mục chi phí trong giá thành, kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NVLTT trong} \\ \text{sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = 40.100 \times (419 \times 95\%) = 15.961.805$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NCTT trong} \\ \text{sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = 23.633 \times (419 \times 65\%) = 6.436.448$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC trong} \\ \text{sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = 4.205 \times (419 \times 90\%) = 1.585.706$$

Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của chắn bùn xe máy là:

$$15.961.805 + 6.436.448 + 1.585.706 = 23.983.958$$

Tương tự như vậy với các chi tiết khác, kế toán tính toán giá trị sản phẩm dở dang và lập Bảng xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ (**Biểu số 2.18**).

Biểu số 2.18

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỞ DANG CUỐI KỲ

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
	Nhựa mộc chưa sơn			
1	Ốp đầu trước	Chiếc	328	6.043.269
2	Mặt nạ	Chiếc	301	5.286.162
3	Chấn bùn	Chiếc	419	23.983.958
4	Yếm chính	Chiếc	311	4.677.238
5	Ốp vai trái	Chiếc	352	5.293.851
			
	Nhựa mộc đang sơn dở			
1	Ốp đầu trước	Chiếc	238	4.661.063
2	Ốp đầu sau	Chiếc	129	2.158.751
3	Cánh yếm trái	Chiếc	355	20.669.698
			
	Tổng cộng		2.385	219.578.116

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Tổng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của xưởng nhựa được xác định là **219.578.116**

Tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Trên cơ sở đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành đã xác định, cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm. Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng áp dụng phương pháp tỷ lệ để tính giá thành.

Trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, ngay từ đầu năm công ty đã xây dựng một hệ thống giá thành kế hoạch của từng loại sản phẩm. Hệ thống giá thành kế hoạch này được sử dụng trong suốt cả năm và dùng làm cơ sở xác định giá thành thực tế và giá bán của từng sản phẩm.

Sau đây là trình tự hạch toán giá thành sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ tại xưởng nhựa của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng qua số liệu tháng 12/2009:

- Căn cứ vào số liệu trên các Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 – mở chi tiết cho xưởng nhựa (**Biểu số 2.19**), kế toán xác định được chi phí sản xuất thực tế trong tháng.

$$\begin{aligned} \text{Tổng chi phí sản xuất} &= CP\text{ NVLTT} + CP\text{ NCTT} + CP\text{ SXC} \\ \text{phát sinh trong kỳ} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng chi phí sản xuất} &= 873.226.497 + 207.328.812 + 234.934.896 \\ \text{phát sinh trong kỳ} & \\ &= 1.315.490.205 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí} & & \text{Tổng chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{thực tế các loại} & = & \text{sản phẩm} & + & \text{sản xuất} & - & \text{sản phẩm} \\ \text{sản phẩm} & & \text{dở dang đầu kỳ} & & \text{phát sinh} & & \text{dở dang cuối kỳ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành thực} & & & & & & \\ \text{tế các loại sản phẩm} & = & 365.179.817 & + & 1.315.490.205 & - & 219.578.116 \\ & & & & = & & 1.461.091.906 \end{aligned}$$

Biểu số 2.19

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – TK 1541

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
SH	NT			Nợ	Có	CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC
		Số dư đầu tháng		365.179.817				
PKT01/12	31/12	K/c CP NVLTT tính Z tại x.nhựa	621	873.226.497		873.226.497		
PKT01/12	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại x.nhựa	622	207.328.812			207.328.812	
PKT01/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại x.nhựa	627	234.934.896				234.934.896
PN 39/12	31/12	Nhập kho thành phẩm từ sản xuất	155		1.461.091.906			
		Cộng phát sinh		1.315.490.205	1.461.091.906			
		Số dư cuối kỳ		219.578.116				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

- Căn cứ vào hệ thống giá thành kế hoạch của từng loại sản phẩm và sản lượng sản phẩm hoàn thành, kế toán tính ra được tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm: Bảng giá thành kế hoạch theo sản lượng thực tế (**Biểu 2.20**)

Biểu số 2.20

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG GIÁ THÀNH KẾ HOẠCH THEO SẢN LƯỢNG THỰC TẾ

Tên phân xưởng: Xưởng nhựa

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch	Sản lượng thực tế	$\sum Z_{KH}$ theo sản lượng thực tế
1	Ốp đầu trước	Chiếc	20.677	2.184	45.158.568
2	Ốp đầu sau	Chiếc	17.723	2.157	38.228.511
3	Mặt nạ	Chiếc	19.769	2.142	42.345.198
4	Chấn bùn	Chiếc	67.938	2.065	140.291.970
5	Ốp vai trái	Chiếc	17.722	2.170	38.456.740
6	Ốp vai phải	Chiếc	17.722	2.193	38.864.346
7	Cánh yếm trái	Chiếc	64.984	2.080	135.166.720
8	Cánh yếm phải	Chiếc	64.984	2.093	136.011.512
9	Yếm chính	Chiếc	29.538	2.180	64.392.840
10	Ốp sườn trái	Chiếc	59.076	2.125	125.536.500
11	Ốp sườn phải	Chiếc	59.076	2.116	125.004.816
12	Cốp trái	Chiếc	23.630	2.123	50.166.490
13	Cốp phải	Chiếc	23.630	2.160	51.040.800
14	Ốp đuôi	Chiếc	11.815	2.042	24.126.230
15	Lồng giặt	Chiếc	62.096	2.247	139.529.712
16	Vỏ máy giặt	Chiếc	63.441	2.236	141.854.076
	Cộng			34.313	1.336.175.029

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

- Căn cứ vào những số liệu trên, kế toán tính ra được tỷ lệ giữa giá thành thực tế và giá thành kế hoạch như sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm}}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{1.461.091.906}{1.336.175.029} \approx 1,0935 \text{ (109,35 \%)}$$

Theo phương pháp tỷ lệ chi phí, giá thành đơn vị từng loại sản phẩm được xác định theo công thức:

$$\text{Tổng giá thành thực tế từng loại sản phẩm} = \text{Tổng giá thành kế hoạch từng loại sản phẩm} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\text{Tổng giá thành thực tế của chassis xe máy} = 140.291.970 \times 1,0935 = 153.409.269$$

$$\text{Giá thành đơn vị từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế từng loại sản phẩm}}{\text{Số lượng từng loại sản phẩm hoàn thành thực tế}}$$

$$\text{Giá thành của 1 chassis} = \frac{153.409.269}{2.065} = 74.290,2 \text{ (đ/chiếc)}$$

Sau đây là Bảng tính giá thành chassis xe máy (**Biểu số 2.21**)

Biểu số 2.21

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH CHI TIẾT

Sản phẩm: Chấn bùn xe máy

Sản lượng: 2.065 chiếc

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Đơn giá kế hoạch	ΣZ_{KH} theo sản lượng tt	Tỷ lệ Z (%)	ΣZ thực tế	Z đơn vị
1	Chi phí NVLTT	40.100	82.806.500	109,35	90.548.908	43.849,4
2	Chi phí NCTT	23.633	48.802.145	109,35	53.365.146	25.842,7
3	Chi phí SXC	4.205	8.683.325	109,35	9.495.215	4.598,1
	Cộng	67.938	140.291.970		153.409.269	74.290,2

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009***Người lập***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)****(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)***

Với các chi tiết khác, kế toán cũng tính toán tương tự và lập Bảng tính giá thành cho từng chi tiết. Giá thành của các loại sản phẩm hoàn thành trong tháng tại mỗi phân xưởng được tập hợp lại và phản ánh trong Bảng tính giá thành tổng hợp: Bảng tính giá thành tổng hợp tại xưởng nhựa tháng 12/2009 (**Biểu số 2.22**)

Biểu số 2.22

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH TỔNG HỢP

Tháng 12 năm 2009

Phân xưởng: Xưởng nhựa

Đơn vị tính: đồng

S T T	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng thực tế	ΣZ_{KH} theo sản lượng thực tế	Tỷ lệ Z (%)	ΣZ thực tế	Z đơn vị
1	Ốp đầu trước	Chiếc	2.184	45.158.568	109,35	49.380.894	22.610,3
2	Ốp đầu sau	Chiếc	2.157	38.228.511	109,35	41.802.877	19.380,1
3	Mặt nạ	Chiếc	2.142	42.345.198	109,35	46.304.474	21.617,4
4	Chấn bùn	Chiếc	2.065	140.291.970	109,35	153.409.269	74.290,2
5	Ốp vai trái	Chiếc	2.170	38.456.740	109,35	42.052.445	19.379
6	Ốp vai phải	Chiếc	2.193	38.864.346	109,35	42.498.162	19.379
7	Cánh yếm trái	Chiếc	2.080	135.166.720	109,35	147.804.808	71.060
8	Cánh yếm phải	Chiếc	2.093	136.011.512	109,35	148.728.588	71.060
9	Yếm chính	Chiếc	2.180	64.392.840	109,35	70.413.571	32.299,8
10	Ốp sườn trái	Chiếc	2.125	125.536.500	109,35	137.274.163	64.599,6
						
15	Lồng giặt	Chiếc	2.247	139.529.712	109,35	152.575.740	67.902
16	Vỏ máy giặt	Chiếc	2.236	141.854.076	109,35	155.117.432	69.372,7
	Cộng		34.313	1.336.175.029		1.461.091.906	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Sau đó, kế toán viết phiếu nhập kho cho các sản phẩm nhập kho trong tháng: Phiếu nhập kho số 39/12 (**Biểu số 2.23**)

Biểu số 2.23

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG
Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Nợ: 155

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Có: 154

Số: 39/12

Họ và tên người giao: Phạm Văn Thành

Theo BGT số ngày 31 tháng 12 năm 2009 của

Nhập tại kho: kho 2

Địa điểm:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Ốp đầu trước	155-02-001	Chiếc	2.184	2.184	22.610,3	49.380.894
2	Ốp đầu sau	155-02-002	Chiếc	2.157	2.157	19.380,1	41.802.877
3	Mặt nạ	155-02-003	Chiếc	2.142	2.142	21.617,4	46.304.474
4	Chấn bùn	155-02-004	Chiếc	2.065	2.065	74.290,2	153.409.269
5	Ốp vai trái	155-02-005	Chiếc	2.170	2.170	19.379	42.052.445
6	Ốp vai phải	155-02-006	Chiếc	2.193	2.193	19.379	42.498.162
7	Cánh yếm trái	155-02-007	Chiếc	2.080	2.080	71.060	147.804.808
8	Cánh yếm phải	155-02-008	Chiếc	2.093	2.093	71.060	148.728.588
9	Yếm chính	155-02-009	Chiếc	2.180	2.180	32.299,8	70.413.571
10	Ốp sườn trái	155-02-010	Chiếc	2.125	2.125	64.599,6	137.274.163
11	Ốp sườn phải	155-02-011	Chiếc	2.116	2.116	64.597,8	136.688.894
12	Cốp trái	155-02-012	Chiếc	2.123	2.123	25.837,6	54.853.185
13	Cốp phải	155-02-013	Chiếc	2.160	2.160	25.837,6	55.809.243
14	Ốp đuôi	155-02-014	Chiếc	2.042	2.042	12.917,8	26.378.161
15	Lồng giặt	155-02-024	Chiếc	2.247	2.247	67.902	152.575.740
16	Vỏ máy giặt	155-02-025	Chiếc	2.236	2.236	69.372,7	155.117.432
	Cộng						1.461.091.906

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, không trăm chín mươi một nghìn, chín trăm linh sáu đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	STT đòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
						
PKT01/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng nhựa	269	154		1.315.490.205	
			270		621		873.226.497
			271		622		207.328.812
			272		627		234.934.896
PKT02/12	31/12	K/c CPSX tính Z tại xưởng đúc	273	154		914.341.323	
			274		621		563.231.091
			275		622		102.544.357
			276		627		248.565.875
PN 39/12	31/12	Nhập kho sản phẩm từ sx tại x.nhựa	277	155		1.461.091.906	
			278		154		1.461.091.906
PN 40/12	31/12	Nhập kho sản phẩm từ sx tại x.đúc	279	155		959.523.252	
			280		154		959.523.252
						
		Cộng				11.203.688.485	11.203.688.485

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ cái TK 154 (**Biểu số 2.25**)

Biểu số 2.25

CÔNG TY CP NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

Km104+200, QL5, P.Đông Hải, Q.Hải An, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng				599.366.910	
PKT01/12	31/12	K/c CP NVLTT tính Z tại x.nhựa	11	269	6211	873.226.497	
PKT01/12	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại x. nhựa	11	269	6221	207.328.812	
PKT01/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại x. nhựa	11	269	627	234.934.896	
PKT02/12	31/12	K/c CP NVLTT tính Z tại x.đúc	11	273	6212	563.231.091	
PKT02/12	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại x. đúc	11	273	6222	102.544.357	
PKT02/12	31/12	K/c CP SXC tính Z tại x. đúc	11	273	627	248.565.875	
PN 39/12	31/12	Nhập kho sản phẩm từ sx tại x.nhựa	12	278	155		1.461.091.906
PN 40/12	31/12	Nhập kho sản phẩm từ sx tại x.đúc	12	280	155		959.523.252
		Cộng phát sinh				2.375.433.229	2.420.615.158
		Số dư cuối tháng				554.184.981	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán tài vụ – Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Là một doanh nghiệp Nhà nước và được chuyển đổi thành công ty cổ phần đầu năm 2008, Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã dần từng bước thoát ra những khó khăn ban đầu và đang trên đà phát triển, không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đến cuối năm 2009, công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh thu đạt trên 15 tỷ đồng, hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng cải thiện và từng bước nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty. Để đạt được những thành công đó, không thể không kể đến sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý của Ban Giám đốc cùng với quá trình nỗ lực phấn đấu liên tục của tập thể cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hóa sản xuất, nghiên cứu và vận dụng các biện pháp quản lý kinh tế, công ty đã xây dựng được công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và trở thành một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các công cụ quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, lần đầu tiên làm quen với thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét đánh giá về những ưu điểm mà công ty đã đạt được cũng như những mặt hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện trong tổ chức công tác kế toán nói chung và trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng như sau:

3.1.1. Những ưu điểm

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý

Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, hợp lý. Các phòng ban chức năng có quan hệ chặt chẽ với nhau trong công tác thực hiện kế hoạch sản xuất – tiêu thụ sản phẩm cũng như các hoạt động khác, cung cấp kịp thời chính xác các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo công ty. Mỗi nhân viên trong công ty được gắn bó vào hoạt động chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả cao.

Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán

Cùng với những thay đổi tích cực trong sản xuất kinh doanh và quản lý thì bộ máy kế toán của nhà máy cũng đã được xây dựng tương đối phù hợp và hoàn chỉnh theo mô hình tập trung với một đội ngũ kế toán có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Bộ phận tài chính kế toán với 5 thành viên được phân chia nhiệm vụ một cách khoa học đã tạo nên một bộ phận linh hoạt hỗ trợ nhau đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu của Ban quản lý. Ngoài ra, đội ngũ kế toán lại luôn được tập huấn để nâng cao trình độ và có sự hiểu biết về những chính sách, chế độ mới về kế toán.

Với phương châm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong quá trình sản xuất với bộ máy linh hoạt gọn nhẹ cùng đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, sự nhiệt tình và trung thực đã góp phần không nhỏ vào công tác giám sát và quản lý chi phí, giúp Ban lãnh đạo dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Thứ ba: Về tổ chức công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

Để đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi hoạt động kinh tế phát sinh nên ngay từ công việc hạch toán ban đầu, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc được tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo cho các số liệu kế toán có căn cứ pháp

lý, hạn chế được sự phản ánh sai lệch của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán. Hệ thống chứng từ theo đúng quy định, các yếu tố trong chứng từ đầy đủ, chính xác, đảm bảo đủ căn cứ cho việc ghi chép. Chế độ lập và luân chuyển chứng từ hợp lý, gọn nhẹ, tránh được sự rườm rà song khá chặt chẽ trong quản lý.

Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng khá linh hoạt, chi tiết, rõ ràng. Bên cạnh đó, các tài khoản kế toán còn được công ty chi tiết thành các tiểu khoản một cách hợp lý, phù hợp với quy mô sản xuất, đặc điểm kinh doanh. Trên cơ sở hệ thống tài khoản này mà trình tự các phân hành kế toán trong công ty được xây dựng khá tách bạch, các báo cáo kế toán tài chính đã được lập kịp thời và đầy đủ phù hợp với quy định về công tác kế toán từ đó cung cấp thông tin cho nhà quản lý một cách nhanh chóng chính xác.

Về hệ thống sổ sách kế toán hợp lý và khoa học trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với trình độ của đội ngũ kế toán và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Thứ tư: Về hình thức kế toán áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức phù hợp với quy mô sản xuất của công ty. Hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là dễ làm, dễ hiểu, dễ đối chiếu kiểm tra, số lượng sổ sử dụng ít và đảm bảo tính thống nhất, dễ ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý dữ liệu kế toán.

Thứ năm: Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành

Nhận thức tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành, Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ và đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty.

Công việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty được giao cho nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ cao, được thực hiện có nề nếp theo định kỳ hàng tháng nhằm cung cấp đầy đủ số liệu phục vụ tốt công tác chỉ đạo về chi phí sản xuất, quản lý giá thành và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Thứ sáu: Về công tác kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm

Đối với công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm khá nề nếp đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện của công ty đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý tạo điều kiện để công ty thực hiện tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Công ty áp dụng kỳ tính giá thành là tháng đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết đến chi phí giá thành cho lãnh đạo, giúp lãnh đạo nhanh chóng có những quyết định hợp lý, đúng đắn trong công việc chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, còn giúp cho việc phân tích giá thành nhanh chóng tìm ra những nguyên nhân dẫn đến sự tăng, giảm giá thành giữa các tháng từ đó giúp cho nhà lãnh đạo nắm bắt được chính xác tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định hợp lý.

Chi phí sản xuất được tập hợp thành 3 khoản mục là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung đã đáp ứng được các nhu cầu quản lý tổ chức tại công ty. Đồng thời hạn chế được các khoản chi phí không cần thiết trong quá trình sản xuất từ đó phản ánh được một cách trung thực các chi phí sản xuất bỏ ra và hiệu quả kinh tế đối với quá trình sản xuất.

Công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ chi phí để tính giá thành sản phẩm là hoàn toàn phù hợp. Bởi công ty chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa và cơ khí chế tạo, đặc trưng ngành này là sản xuất ra nhiều sản phẩm với nhiều quy cách phẩm chất khác nhau. Việc sử dụng phương pháp này đã giúp cho kế toán giảm bớt khối lượng hạch toán.

3.1.2. Những mặt hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đó, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng nói riêng còn một số hạn chế nhất định chưa được hoàn chỉnh, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nên cần được xem xét và có những phương hướng, biện pháp để hoàn thiện hơn nữa.

Thứ nhất: Về phương pháp tính giá vật liệu xuất kho

Để tính giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Đây là một phương pháp khá phổ biến được nhiều doanh nghiệp áp dụng.

Phương pháp này giúp cho người kế toán có nhiều thuận lợi cũng như đơn giản trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, song về góc độ quản lý thì phương pháp bình quân gia quyền mà công ty đang áp dụng không đảm bảo được tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Cuối tháng, kế toán mới tính được giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng khi tổng hợp được số lượng và giá trị của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ. Do vậy, không thấy được sự biến động về giá trị của từng loại vật liệu xuất kho để điều chỉnh thích hợp. Hơn nữa, với số lượng nguyên vật liệu đa dạng nên khối lượng công việc kế toán bị dồn nhiều vào cuối tháng.

Trong khi đó công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, tức là đòi hỏi phải phản ánh liên tục tình hình nhập – xuất – tồn kho vật tư trên sổ kế toán. Vì vậy, việc sử dụng phương pháp tính giá xuất kho như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, độ đúng đắn và kịp thời các quyết định quản lý từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Thứ hai: Về tính lương công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên quản lý phân xưởng

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, việc tính lương được thực hiện theo hình thức tiền lương theo thời gian. Cách tính lương này khá phù hợp với bộ phận quản lý. Mặt khác, đối với bộ phận trực tiếp sản xuất, cách tính lương này chưa phát huy hết khả năng của người lao động và kích thích sản xuất.

Khi tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, hạch toán lương nhân viên phân xưởng vào tài khoản 622 như vậy là không hợp lý. Về mặt số liệu tính toán, tổng giá thành không bị ảnh hưởng nhưng tỷ trọng các loại chi phí trong giá thành sẽ không chính xác. Mặt khác, kế toán không thể biết được chi phí nhân viên phân xưởng chiếm bao nhiêu chi phí sản xuất chung để có thể đưa ra phương pháp giảm chi phí sản xuất chung – chi phí mà các kế toán coi là trọng điểm để hạ giá thành.

Thứ ba: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Trong quá trình sản xuất, tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng có phát sinh những thiệt hại trong sản xuất, bao gồm: thiệt hại ngừng sản xuất và thiệt hại sản phẩm hỏng.

- Thiệt hại ngừng sản xuất phát sinh do các nguyên nhân khách quan như mất điện, mất nước, thiên tai, lũ lụt,... Nhưng khi tình trạng này xảy ra, công ty có những biện pháp khắc phục tạm thời như công ty có xây dựng bể chứa nước, máy phát điện nên khi phát sinh những khoản thiệt hại này không đáng kể. Do đó công ty không tổ chức hạch toán riêng khoản thiệt hại này mà hạch toán chung vào chi phí sản xuất trong kỳ.

- Thiệt hại sản phẩm hỏng phát sinh bởi cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Sản phẩm hỏng tại công ty thường là những sản phẩm có thể sửa chữa được trong quá trình sản xuất hoặc tái sử dụng được. Mặt khác, công ty đã xây dựng được định mức chi phí hợp lý nên sản phẩm hỏng được hạn chế đến mức tối thiểu. Do vậy khoản thiệt hại này không thường xuyên và phát sinh ít nên công ty không tổ chức hạch toán riêng mà hạch toán chung vào chi phí sản xuất trong kỳ.

Tuy nhiên, các khoản thiệt hại này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy phải yêu cầu giảm bớt tối đa các khoản thiệt hại là rất cần thiết. Kế toán nên tổ chức hạch toán đầy đủ các khoản thiệt hại xảy ra, nguyên nhân gây ra thiệt hại và người chịu trách nhiệm gây thiệt hại để có thể thu hồi bồi thường thiệt hại, có thể xử lý đúng người đúng việc nâng cao ý thức của người lao động trong quá trình sản xuất, góp phần hạn chế các khoản thiệt hại đó.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt hơn. Để cạnh tranh và tạo chỗ đứng trên thị trường các doanh nghiệp phải đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, quan trọng hơn là giá cả của sản phẩm không quá cao. Sản phẩm đạt chất lượng tốt, giá thành hạ sẽ là tiền đề tích cực giúp cho doanh nghiệp đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều, từ đó doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tăng tích lũy và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một trong những chỉ tiêu quan trọng, là thước đo mức hao phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nó cũng là căn cứ để xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, là căn cứ để lựa chọn và quyết định khối lượng sản phẩm sản xuất ra để đạt lợi nhuận lớn nhất. Thông qua chỉ tiêu này các nhà quản lý sẽ nắm bắt được chi phí, giá thành sản phẩm thực tế của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có thể phân tích, nhận xét và đánh giá tình hình thực hiện các định mức, tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn để kịp thời đưa ra biện pháp kịp thời nhằm hạ thấp chi phí tăng thu nhập cho doanh nghiệp, định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả hơn. Với vai trò như trên, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đã trở thành một khâu quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

Trước những yêu cầu đổi mới, công ty nên có các biện pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, các thông tư hướng dẫn và áp dụng những tiến bộ khoa học vào trong công tác kế toán. Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ vào sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Trước sự phát triển của nền kinh tế và sự thay đổi về chính sách, chế độ của các cơ quan Nhà nước, yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là phải kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn,...phù hợp với đặc điểm đơn vị mình. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác tổ chức kế toán.

Nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những tư tưởng chỉ đạo có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Tuân thủ các nguyên tắc đó sẽ giúp cho việc hạch toán được thực hiện đúng đắn, khách quan, khoa học. Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- Trước hết, tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ, văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chế độ, chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo sự thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng

Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, công tác kế toán tuy có những ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại vướng mắc chưa hợp lý, nếu khắc phục được sẽ giúp mang lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty. Sau khi tìm hiểu thực tế tại công ty kết hợp với những kiến thức đã được học ở trường, em xin đề xuất một số hướng khắc phục trong công tác kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty qua một số kiến nghị sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về phương pháp tính giá vật liệu xuất kho

Hiện nay, công ty đang tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Đặc trưng của phương pháp này là đến cuối tháng kế toán mới xác định được giá trị vật liệu xuất kho nên không đảm bảo được tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Mặt khác, do hầu hết nguyên liệu ngành nhựa trong nước đều phải nhập khẩu từ nước ngoài nên giá cả nguyên liệu ngành nhựa thường bị chi phối bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái mà trong mấy năm qua nền kinh tế thế giới trải qua nhiều biến động. Do đó, sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính trị giá vật liệu xuất kho sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, sự đúng đắn, kịp thời của các quyết định quản lý từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Để khắc phục hạn chế này, kế toán nên chuyển sang tính trị giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Với phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán phải tính lại đơn giá bình quân nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập. Vì vậy, đơn giá thường xuyên được cập nhật. Việc chuyển sang phương pháp này công ty hoàn toàn có thể thực hiện được do công ty đã theo dõi được cụ thể từng lần nhập xuất nguyên vật liệu trên sổ chi tiết từng loại vật tư. Vì vậy, mỗi lần xuất nguyên vật liệu nào đó kế toán sẽ căn cứ vào nguyên vật liệu hiện có trước khi xuất để tính ra đơn giá theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Trị giá vật liệu xuất kho được xác định theo công thức:

$$\text{Trị giá vật liệu xuất kho} = \frac{\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng vật liệu xuất kho}} \times \text{Số lượng vật liệu xuất kho}$$

Sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn sẽ khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ vì với phương pháp này, ta có thể xác định được trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu ngay khi xuất kho, cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên, liên tục giúp cho việc quản lý sử dụng vật tư và ra các quyết định quản trị.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về tính lương công nhân trực tiếp sản xuất

Tiền lương là một vấn đề hết sức quan trọng. Một chính sách tiền lương hợp lý sẽ là cơ sở, đòn bẩy cho sự phát triển của công ty. Còn đối với người lao động, tiền lương nhận được thoả đáng sẽ là động lực thúc đẩy năng lực sáng tạo, sự nhiệt tình trong công việc góp phần không nhỏ làm tăng năng suất lao động, hoạt động kinh doanh của công ty cũng đạt kết quả cao. Với hình thức trả lương theo thời gian mà công ty đang áp dụng có nhiều hạn chế. Tiền lương thời gian cho công nhân trực tiếp sản xuất chưa đảm bảo đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động vì chưa tính đến một cách đầy đủ chất lượng lao động, do đó chưa phát huy hết chức năng đòn bẩy của tiền lương trong việc kích thích sản xuất và chưa phát huy hết khả năng của người lao động.

Để giải quyết vấn đề này, kế toán nên xem xét một phương pháp tính lương phù hợp hơn. Công ty có thể áp dụng tính lương theo sản phẩm. Tiền lương sẽ được trả cho người lao động theo khối lượng sản phẩm hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá tiền lương một đơn vị sản phẩm. Đơn giá tiền lương có thể được xây dựng cho từng công đoạn của quy trình sản xuất. Trước hết dựa vào các định mức kinh tế – kỹ thuật làm cơ sở, công ty cần xây dựng đơn giá tiền lương cho từng công đoạn. Căn cứ vào Phiếu xác nhận sản phẩm (công việc) hoàn thành ở từng tổ, từng phân xưởng do quản đốc phân xưởng hoặc tổ trưởng đã ký xác nhận, kế toán sẽ xác định được số lượng (khối lượng) sản phẩm hoàn thành. Cùng đơn giá mà công ty đã xây dựng cho từng công đoạn

kế toán tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất. Tiền lương của một công nhân trực tiếp sản xuất sẽ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương sản phẩm} \\ \text{của công nhân sản xuất} \end{array} = \frac{\text{Số lượng (khối lượng)}}{\text{sản phẩm hoàn thành}} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{tiền lương} \end{array}$$

Hình thức trả lương theo sản phẩm sẽ đảm bảo công bằng cho người lao động. Ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít. Áp dụng trả lương theo sản phẩm đối với công nhân trực tiếp sản xuất có tác dụng kích thích công nhân lao động tích cực, có trách nhiệm và nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mặt khác, xây dựng một chính sách tiền lương hợp lý còn giúp ích cho việc xây dựng giá thành kế hoạch, góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí – giá thành tại công ty.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về chi phí lương nhân viên phân xưởng

Như đã trình bày ở chương 2, kế toán đã hạch toán chi phí lương nhân viên phân xưởng vào chi phí nhân công trực tiếp. Dù việc hạch toán như vậy không ảnh hưởng đến số liệu kế toán chi phí – giá thành song không đúng theo quy định hạch toán kế toán đồng thời gây khó khăn trong việc kiểm soát, quản lý chi phí.

Vì vậy chi phí lương nhân viên phân xưởng cần hạch toán vào chi phí sản xuất chung (TK 627). Kế toán sẽ theo dõi chi tiết chi phí nhân viên phân xưởng trên tiểu khoản 6271. Khi kiến nghị này, được đưa vào thực hiện thì trong tháng ở mỗi phân xưởng, kế toán phải lập 2 bảng tính lương: Bảng tính lương công nhân trực tiếp sản xuất và Bảng tính lương nhân viên quản lý phân xưởng. Bảng này là căn cứ lập Bảng phân bổ lương và BHXH, là cơ sở xác định chi phí nhân viên phân xưởng.

Hạch toán đúng chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nhân viên phân xưởng sẽ góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tại công ty. Xét trên phương diện kế toán quản trị, hạch toán đúng các khoản mục chi phí sẽ giúp ích cho việc phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố chi phí đến giá thành sản phẩm và tìm ra giải pháp giảm thiểu chi phí.

3.4.4. Kiến nghị 4: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Công ty không theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất vì công ty đã xây dựng hệ thống định mức hợp lý nên rất ít khi xảy ra. Điều đó dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động. Do không theo dõi cụ thể nên công ty khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại. Và quan trọng hơn, vì không quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể gây ra thiệt hại nên không giáo dục ý thức cẩn trọng trong lao động của công nhân có thể dẫn tới những sai phạm tiếp theo. Để tránh tình trạng này xảy ra công ty nên tiến hành hạch toán cụ thể các khoản chi phí này có như vậy mới hạn chế và khắc phục được các khoản thiệt hại. Sau đây là các phương án với từng trường hợp cụ thể:

❖ Thiệt hại về sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất về màu sắc, kích cỡ... Do sản phẩm hỏng của công ty tương đối nhỏ, đặc biệt với sản phẩm nhựa hỏng có khả năng tái sử dụng hoàn toàn nên thiệt hại về sản phẩm hỏng do thành phẩm gánh chịu. Tuy nhiên trước yêu cầu hạ giá thành sản phẩm, hạch toán đầy đủ và chính xác các khoản thiệt hại này là điều cần thiết, góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty.

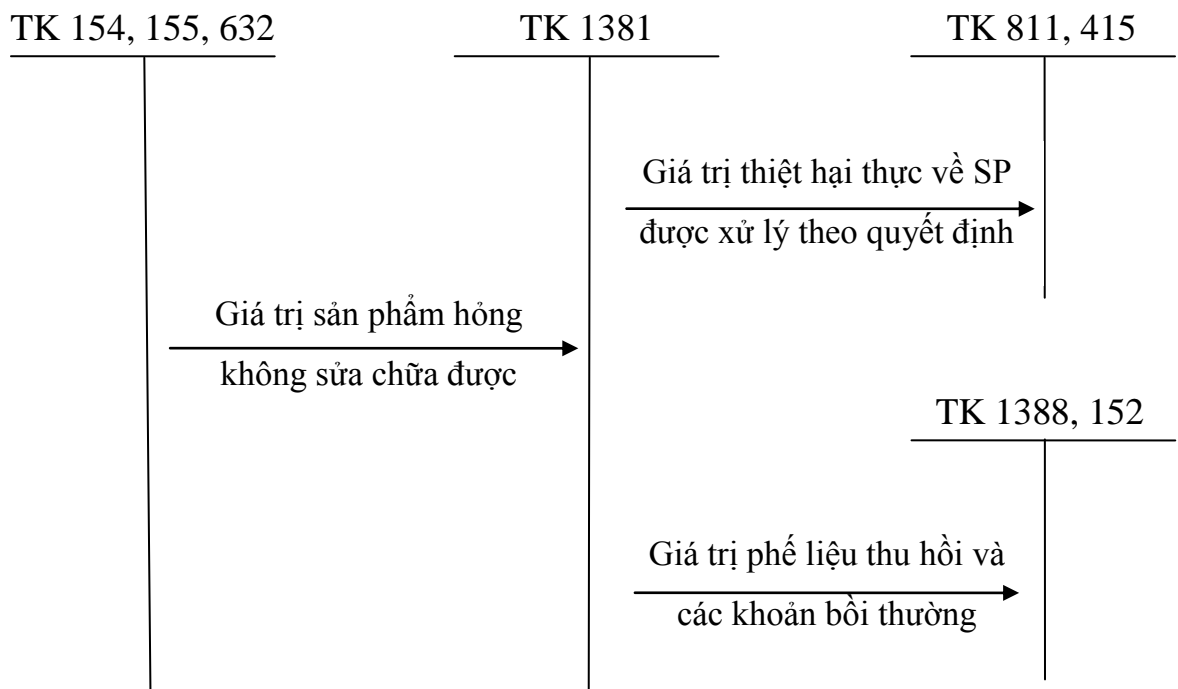
Tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng, tùy theo mức độ hư hỏng mà sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại:

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

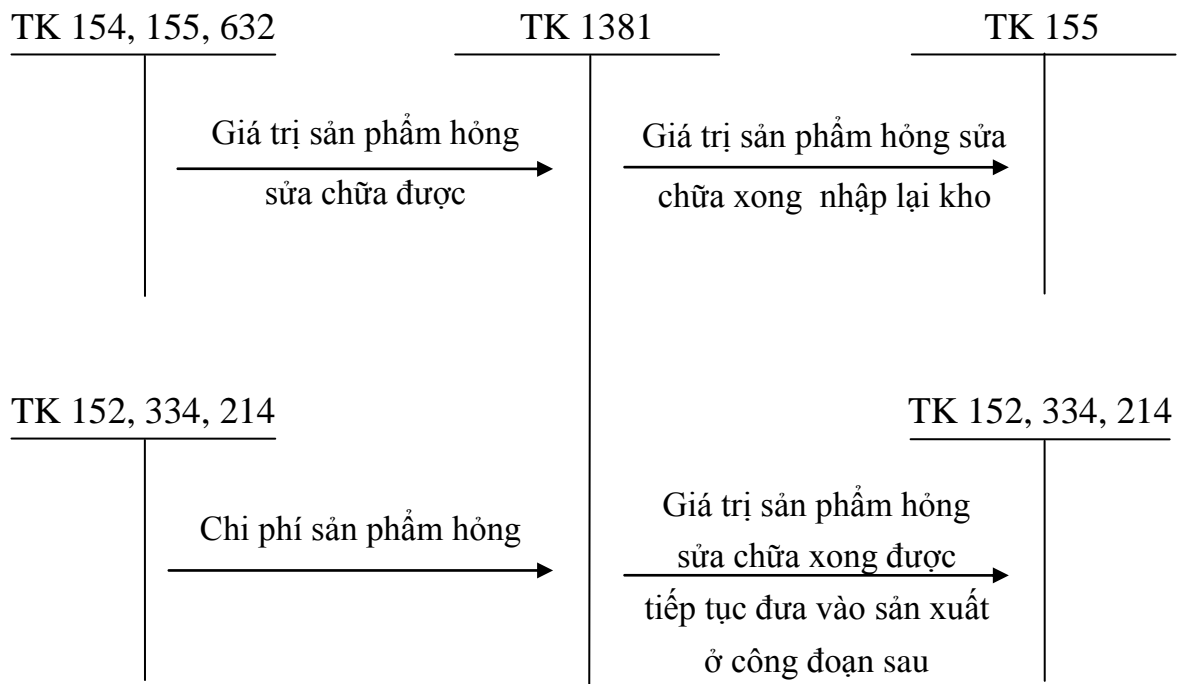
- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

Sau đây là sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng:

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được

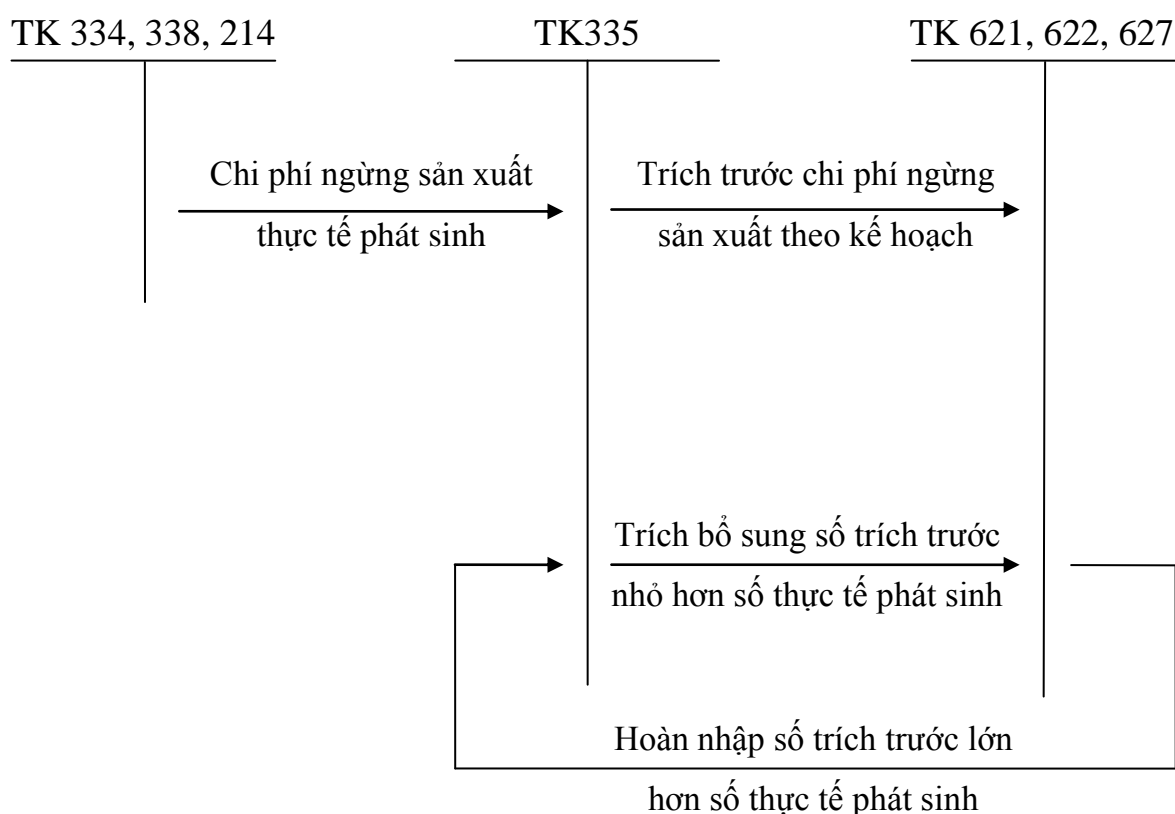


❖ *Thiệt hại về ngừng sản xuất*

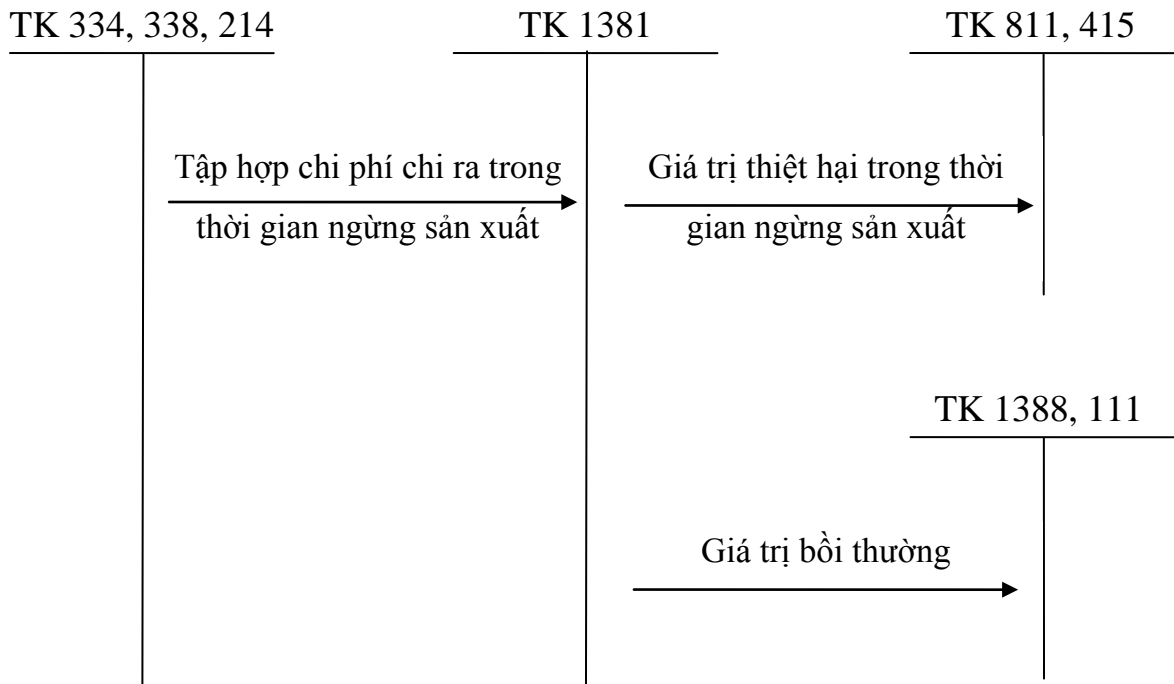
Trong quá trình hoạt động của công ty có thể xảy ra những khoảng thời gian phải ngừng sản xuất do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan: thiết bị sản xuất bị hỏng, thiếu nguyên vật liệu, thiếu năng lượng, thiên tai, dịch họa,... Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để bảo vệ tài sản, đảm bảo đời sống cho người lao động, duy trì hoạt động quản lý,... Các khoản chi phí trên được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

Với những khoản chi phí về ngừng sản xuất theo kế hoạch có tính chất tạm thời (do tính thời vụ để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc,...), kế toán nên lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất sau đó, căn cứ vào dự toán để trích trước chi phí. Trường hợp ngừng sản xuất bất thường, các chi phí bỏ ra trong thời gian này do không được chấp nhận nên phải theo dõi riêng.

Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch



Sơ đồ 3.4: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch



3.4.5. Kiến nghị 5: Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán

Trong thời gian tới công ty nên tiến hành ứng dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì không những tạo điều kiện giảm nhẹ khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và điều quan trọng hơn là nó cung cấp thông tin nhanh chính xác và đa dạng cho Ban lãnh đạo của công ty.

Công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán EFFECT của Công ty cổ phần EFFECT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của Công ty Cổ phần ACMAN.
- Phần mềm kế toán FAST của Công ty cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế – tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ, bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công trình hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. Từ đó, phân tích đề ra các biện pháp thiết thực để phấn đấu giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đó là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới, là nhân tố tiên quyết giúp doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Việc nghiên cứu công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã giúp em hiểu thêm thực tế hạch toán chi phí – giá thành tại công ty và tầm quan trọng của công tác này. Khóa luận đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu và đánh giá một cách chân thực kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song do trình độ lý luận cũng như thực tiễn của bản thân còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để em có thể khắc phục được những thiếu sót đó.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các cô, chú cán bộ phòng kế toán – tài vụ Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng đã hướng dẫn tận tình và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Thùy Dung

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	2
4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài	2
5. Kết cấu của khóa luận	2
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT ... 3	
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.1.1. <i>Khái niệm chi phí sản xuất</i>	3
1.1.2. <i>Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất</i>	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1. <i>Khái niệm giá thành sản phẩm</i>	4
1.2.2. <i>Bản chất, chức năng của giá thành sản phẩm</i>	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	6
1.3.1. <i>Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố</i>	6
1.3.2. <i>Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí</i>	7
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	8
1.4.1. <i>Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành</i>	8
1.4.2. <i>Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí</i>	9
1.5. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành	9
1.5.1. <i>Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất</i>	9
1.5.2. <i>Đối tượng tính giá thành sản phẩm</i>	10
1.5.3. <i>Kỳ tính giá thành</i>	10
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất	11
1.6.1. <i>Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất</i>	11
1.6.2. <i>Trình tự hạch toán chi phí sản xuất</i>	12

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	12
1.7.1. Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp).....	13
1.7.2. Phương pháp hệ số.....	13
1.7.3. Phương pháp tỷ lệ.....	14
1.7.4. Phương pháp tổng cộng chi phí.....	15
1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng.....	15
1.7.6. Phương pháp phân bước.....	16
1.7.7. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ	18
1.7.8. Phương pháp định mức.....	19
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang	19
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương....	20
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.....	21
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	21
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.....	21
1.8.5. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức	21
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm.....	22
1.9.1. Đối với DN kế toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	22
1.9.2. Đối với DN kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ	25
1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	26
1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	26
1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái	27
1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	28
1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG	31
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	31
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	33
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	38
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	38
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	40
2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	42
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	42
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	43
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	43
2.2.3.1. Kỳ tính giá thành	43
2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	44
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	44

2.2.4.1. <i>Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i>	44
2.2.4.2. <i>Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i>	54
2.2.4.3. <i>Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i>	62
2.2.4.4. <i>Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm</i>	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ CƠ KHÍ HẢI PHÒNG	83
3.1. <i>Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i>	83
3.1.1. <i>Những ưu điểm</i>	84
3.1.2. <i>Những mặt hạn chế</i>	86
3.2. <i>Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	89
3.3. <i>Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i> ..	90
3.4. <i>Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng</i>	91
3.4.1. <i>Kiến nghị 1: Về phương pháp tính giá vật liệu xuất kho</i>	91
3.4.2. <i>Kiến nghị 2: Về tính lương công nhân trực tiếp sản xuất</i>	92
3.4.3. <i>Kiến nghị 3: Về chi phí lương nhân viên phân xưởng</i>	93
3.4.4. <i>Kiến nghị 4: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất</i>	94
3.4.5. <i>Kiến nghị 5: Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán</i>	97
KẾT LUẬN	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1:</i> Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước	17
<i>Sơ đồ 1.2:</i> Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm	18
<i>Sơ đồ 1.3:</i> Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	23
<i>Sơ đồ 1.4:</i> Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	23
<i>Sơ đồ 1.5:</i> Kế toán chi phí sản xuất chung	24
<i>Sơ đồ 1.6:</i> Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	24
<i>Sơ đồ 1.7:</i> Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	25
<i>Sơ đồ 1.8:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
<i>Sơ đồ 1.9:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái	27
<i>Sơ đồ 1.10:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	28
<i>Sơ đồ 1.11:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
<i>Sơ đồ 1.12:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	30
<i>Sơ đồ 2.1:</i> Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng..	35
<i>Sơ đồ 2.2:</i> Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.....	36
<i>Sơ đồ 2.3:</i> Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	39
<i>Sơ đồ 2.4:</i> Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng	40
<i>Sơ đồ 2.5:</i> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng.....	41
<i>Sơ đồ 3.1:</i> Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được	95
<i>Sơ đồ 3.2:</i> Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được	95
<i>Sơ đồ 3.3:</i> Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch	96
<i>Sơ đồ 3.4:</i> Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch	97

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần nhựa và cơ khí Hải Phòng trong 3 năm gần đây.....	33
Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho số 32/12	48
Biểu số 2.3: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	50
Biểu số 2.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 6211	51
Biểu số 2.5: Nhật ký chung – trích các nghiệp vụ liên quan CP NVLTT	52
Biểu số 2.6: Sổ cái TK 621	53
Biểu số 2.7: Bảng thanh toán lương xưởng nhựa	57
Biểu số 2.8: Bảng phân bổ tiền lương và BHXH	58
Biểu số 2.9: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 6221	59
Biểu số 2.10: Nhật ký chung – trích các nghiệp vụ liên quan CP NCTT.....	60
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 622.....	61
Biểu số 2.12: Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ.....	64
Biểu số 2.13: Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ.....	65
Biểu số 2.14: Phiếu chi số 12/12	67
Biểu số 2.15: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK627-N.....	68
Biểu số 2.16: Nhật ký chung – trích các nghiệp vụ liên quan CP SXC	69
Biểu số 2.17: Sổ cái TK 627	70
Biểu số 2.18: Bảng xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	73
Biểu số 2.19: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 1541	75
Biểu số 2.20: Bảng giá thành kế hoạch theo sản lượng thực tế.....	76
Biểu số 2.21: Bảng giá thành chi tiết.....	78
Biểu số 2.22: Bảng tính giá thành tổng hợp	79
Biểu số 2.23: Phiếu nhập kho số 39/12.....	80
Biểu số 2.24: Nhật ký chung – trích các nghiệp vụ liên quan TK 154.....	81
Biểu số 2.25: Sổ cái TK 154.....	82

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
2. Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (Giáo trình Nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về kế toán và kế toán tài chính trong doanh nghiệp – Học viện tài chính – GS.TS. Nguyễn Đình Đỗ – TS. Nguyễn Vũ Việt) của nhà xuất bản Tài chính năm 2008.
4. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp (Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh) của Nhà xuất bản thống kê năm 2006.
5. Khóa luận tốt nghiệp của các anh chị khóa trước.